

THÍCH-CA PHƯƠNG CHÍ

QUYỂN HẠ

(Gồm tiếp theo chương Di tích và 4 chương: Du lý, thông cục, thời trú, và giáo tướng).

CHƯƠNG IV: DI TÍCH (Tiếp Theo)

Nước Ma-kiệt-đà (người xưa trước xưng gọi sai lầm, thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 5.000 dặm. Tại Đô thành hiếm ít người ở, thôn ấp tụ lạc lắm nhiều. Có hơn 50 ngôi chùa, chư Tăng có ngoài vạn vị, phần nhiều tập học giáo pháp Đại thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo đông nhiều. Thành đô xưa cũ tại phía Bắc núi của thành Vương xá tựa về phía Đông. Cách 240 dặm về phía bắc gần sông Khắc-già, chu vi rộng hơn 70 dặm. Khi con người tuổi thọ đến vạn năm, lúc đó gọi là Thành Câu-tô-ma-bổ-la. Có nghĩa là Hương-du-hoa-cung. Đến lúc tuổi thọ con người còn vài ngàn năm, lại nhân có cây Ba-tra-ly, nên gọi là thành Ba-tra-ly-tử. Xưa trước gọi Ba-liên-phát là sai lầm vậy. Tại phía Bắc cung xưa cũ có ngôi tháp cao vài trượng, là nơi vua Vô-ưu làm địa ngục. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn khoảng trăm năm, có vua A-thâu-ca (tức là vua Vô Ưu) là Tăng tôn của vua Tần-tỳ-bà-la. Từ thành Vương-xá dời đô đến đó, phía ngoài thành quách xuất hiện giống lúa hạt lớn mà đẹp xinh sắc màu ngời sáng kỳ đặc, gọi đó là gạo cúng đại nhân, phía Bắc cung ấy gần sông Khắc-già, trong thành nhỏ có hơn ngàn ngôi nhà, đến nay hiện còn trụ đá địa ngục ấy. Về phía Nam có ngôi tháp lớn dùng bằng vật báu nghiêm sức, úp bát đá làm lan can, đó là một trong 84.000 ngôi tháp vậy, tôn trí một tầng Xá-lợi-phất, có lúc tỏa phóng ánh sáng tốt lành, tức vua Vô-ưu gặp được A-la-hán Cận Hộ sai sử quỷ thần tạo dựng nên. Bên cạnh đó, trong tinh xá có tảng đá lớn, là nơi lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, từ phía bắc vượt qua phía Nam thành Câu-thi-na trông nhìn lại nước Ma-kiệt-đà nên đạp hai chân trên đá, dấu vết dài một thước 8 tấc, rộng 6 tấc, hoa văn luân tướng của 10 ngón chân mỗi mỗi khác nhau, gần đây bị vua Thiết-thường-ca (nghĩa là Nguyệt) ở nước Yết-la-noa-tô-phạt-thích-na (nghĩa là kim nhĩ) phá

hoại dấu vết chân Phật, đục phá rồi, trở lại bình phục đường văn vẫn như cũ, cho đến đem vất bỏ trong sông Khắc-già, sau đó cũng trở lại chỗ cũ. Tiếp theo bên cạnh có ngôi tháp vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Về phía Bắc của cung vũ có ngôi Thạch Thất lớn tức do vua A-dục vì người em mà tạo dựng, tiếp theo có đồ đựng nước lớn, là do vua A-dục cúng dường cơm cho chư Tăng. Về phía Tây nam của cung có núi đá nhỏ, chung quanh là khe hàng, có vài mươi thạch thất, đó là do vua A-dục được A-la-hán Cận Hộ sai khiến Quỷ thần tạo nên. Bên cạnh lại có ao đá, tục gọi là nước Thánh, người bệnh uống liền lành. Về phía Tây nam của núi có 5 ngôi tháp, mỗi mặt cách nhau vài trăm bộ. Sau khi vua A-dục xây dựng 84.000 ngôi tháp rồi, còn thừa 5 thăng xá-lợi nên lại tạo dựng tháp đó. Có lúc hiện khởi những điều linh dị. Có vị vua nhân đó làm 5 tạng vua Nan-đà dấy quân đến đào bới, đất bèn chấn động, núi lở đổ, trong tháp có tiếng kêu lớn, quân lính vấp té ngã nghiêng. Về phía Đông nam thành cũ có chùa Quật-quật-tra-a-lam-ma (tức là kê viên), xưa kia có luận nghị bị khuấy phục ngoại đạo, nên trong 12 năm trở lại không đánh kiền chùy. Sau đó có Bồ-tát Na-già-át-thích-thọ-na (Trung Hoa dịch nghĩa là Long Mãnh, còn gọi là Long Thọ) người xứ Nam Ấn Độ đến đó nhiếp phục các ngoại đạo, mới đánh kiền chùy, nên tháp đó có tên gọi là “kích (đánh) kiền chùy” vậy. Tiếp theo về phía Bắc có tháp quỷ biến, phụng thờ Tôn giả Mã Minh.

Từ thành về phía Tây nam cách hơn 200 dặm, trong tháp chùa xưa cũ có vết tích của bốn Đức Phật tọa thiền kinh hành. Lại từ chùa ấy về phía Tây nam cách hơn trăm dặm, có ngôi chùa lớn, chư tăng có ngàn vị đều học giáo pháp Đại thừa. Cả thảy có 4 viện, Quán các ba tầng, nền cao nhiều lớp cửa, trong cửa có ba Tinh xá, đồng vàng ẩn hiện, bên trong có tôn tượng đứng cao 3 trượng, bên tả là Bồ-tát Đa-la, bên hữu là Bồ-tát Quán tự tại đều được chú đúc bằng thau đá. Cả 3 tinh xá mỗi mỗi đều có 1 thăng xá-lợi, tướng sáng có lúc hiện bày, từ chùa ấy về phía Tây nam cách trăm dặm, trên núi lớn có tháp đá cao hơn một trượng. Xưa trước, Đức Phật từng nhập định trên tảng đá lớn ấy, qua đêm, trời mưa hoa báu. Vì cảm mộ như thế nên xây dựng tháp báu cao một trượng, nay biến thành đá, từ xa trông nhìn chỉ thấy như ráng mây, là nơi dừng ở của linh Thánh, hang huyết của rồng rắn, chim săn, thú dữ, xưa nay không một ai bước đến đó. Ở phía Đông núi đó có ngôi tháp men sườn, là nơi Đức Phật đứng đó trông nhìn về nước Ma-kiệt-đà. Từ núi về phía Tây bắc cách hơn 30 dặm, có quả núi có ngôi chùa tựa bắm trên đỉnh, đục sườn núi để tạo dựng các. Đó là nơi Bồ-tát Cù-ma-mặc-

để (Trung Hoa dịch nghĩa là Đức tuệ) học pháp Đại thừa, nhiếp phục ngoại đạo. Hiện nay có trôn 50 vị Tăng ở đó. Lại theo hướng Tây Nam cách hơn 20 dặm đến chùa Cô Sơn, có luận sư Thi-la-bạt-đà-la (Trung Hoa dịch nghĩa là giới hiền), đến nay hiện có nói đầu tiên nhiếp phục ngoại đạo, được Ấp xả thí mà tạo dựng đó. Tại đó khoét đục một ngón núi hiểm nguy, hình tướng như Phù đồ mà tôn thờ Xá-lợi-phật.

Lại về hướng Tây nam cách 50 dặm, vượt qua sông Ni-liên-thuyền, có thành Già-da. Ở đó, hiểm ít người vật, có hơn ngàn nhà Bà-la-môn sinh sống tức là con cháu nối dõi của tiên nhân vậy. Vua không bề tôi, mọi người đều rất kính trọng. Từ thành về phía Bắc cách hơn 30 dặm, có dòng núi trong mát, ở đời tương truyền đó là nước Thánh, những người uống tắm, tội chướng đều tiêu trừ.

Từ thành về phía Tây nam cách 6 dặm là núi già da, có lăm khe hang mật mờ, ở đời gọi đó là núi linh từ xưa, các bậc Quán vương đăng phong kính cáo đều thành. Trên đỉnh núi có tháp đá cao hơn trăm thước, có lúc tỏa phóng ánh sáng khác lạ. Xưa trước, Đức Phật từng ở đó giảng nói các kinh Bảo Vân v. v... từ núi về hướng Đông nam là sông Ni-liên, cách gần 200 dặm, đến núi Bát-la-cấp Bồ-đề, nghĩa là núi Tiên Chánh giác. Xưa kia, Đức Phật lúc sắp chứng đạo, trước tiên đến đó, nhân vậy mà gọi tên như thế. Đức Phật từ phía Đông bắc sườn núi đi lên đỉnh, muốn nhập định Kim cang, tự nhiên quả đất lay động, núi sụp đổ, thần núi khiếp sợ mách báo. Đức Phật lại đến trong nửa sườn núi phía Tây nam, ngồi trên tảng đá xoay mặt nhìn khe suối, đất núi lại lay động. Trời Tịnh cư đến báo rằng: “Từ đây theo hướng Tây nam đi 15 dặm đến gần nơi tu khổ hạnh, dưới cây tất-bát-la có tòa Kim cang, đó là tòa Bồ-đề, chư Phật ba đời đều thành Đạo tại đó! Đức Phật bèn đi đến đó, và nhân vì rộng nói thạch thất mà lưu lại ảnh hình. Đến nay hoặc có người trông thấy. Kịp đến lúc vua Vô Ưu ra đời, nơi các linh tích, vua đều tạo dựng tháp để biểu trưng đó, trời mưa các thứ hoa báu. Mỗi năm an cư kết thúc, các hàng Đạo tục đồng lên núi cúng dường cây Bồ-đề. Chung quanh cây Bồ-đề ấy được xây vách tường bằng gạch nhiều lớp bao bọc kiên cố, hai phía Đông-tây thoáng rộng có thể đến 540 bộ. Các thứ cây kỳ lạ, hoa danh tiếng theo hàng lớp trồng phía dưới, cửa thành Đông mở thoát đối diện sông Ni-liên-thuyền, cửa phía Nam tiếp liền với ao hoa lớn, cửa phía Bắc nơi hiểm nguy bên chặt, cửa phía Bắc thông với chùa lớn. Vùng ven nội viện Thánh tích, các tháp tinh xá thứ lớp bày bố, cây chánh giữa trong tường thành có tòa Kim cang có từ khi Hiền kiếp mới thành chung cùng Đại địa. Trong Đại thiên giới, dưới cùng cực là địa vị

kim luân, trên đến ngàn mé trái đất. Hành thành tòa Kim cang chu vi rộng hơn ngàn bộ. Ngàn Đức Phật đồng ngồi ở đó nhập định Kim cang, nên nhân đó mà gọi là tòa Kim cang, tức nơi Đức Phật chứng đạo vậy. Có thuyết nói là lúc Đại địa chấn động, riêng nơi Đạo tràng không lay chuyển, từ sau khi Đức Phật chứng đắc Chánh giác, dần đến thời mặc pháp, đất cát càng che phủ không còn thấy được bản chất. Với truyền thuyết như thế, chư vị tiền đức bèn tu tạo hai tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại tôn trí ở hai phía Nam-bắc nêu lập mốc giới xoay mặt vì hướng Nam mà ngồi. Có chép ghi rằng: “Tôn tượng ấy vùi lấp thì Phật pháp sẽ hoại diệt vậy”. Đến nay tôn tượng ở góc phía Nam đã bị vùi lấp đến ngực.”

Xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế, cây Bồ-đề cao vài trăm thước, cành vàng lá xanh, quanh năm không thay đổi, đến khi Đức Phật nhập Niết-bàn, cây điêu tàn, sau đó trở lại tươi tốt. Lại bị vua Vô Ưu chặt phá đưa về hướng Tây cách vài mươi bộ chất đồng mà đốt dùng để cúng tế trời, khói lửa chưa dứt tắt, bỗng nhiên sinh mọc lên hai cây, trong lửa dữ mà lá tươi tốt đồng như đang phát triển. Nhân đó mà gọi là than tro cây Bồ-đề. Vua trông thấy như thế bèn phát tâm tin kính, dùng sữa thơm rưới vào các cành rễ còn lại, đến sáng sớm hôm sau, cây sống như nguyên gốc. Vương phi tức giận, đêm đến lại sai người chặt phá, vua lại nguyện cầu và đem sữa rưới vào, không mấy ngày sau, cây sống lại bình thường, bèn chất đá làm tường chắn bao quanh cao hơn một trượng. Gần đó lại bị Nguyệt vương ở nước Kim Nhi lại chặt phá cây Bồ-đề ấy, đào bởi tới suối nước mà không tới đáy rễ, mới châm lửa thiêu đốt, dùng cam giá tưới đổ vào khiến cháy hết gốc rễ, vài tháng sau vua Bồ-thích-noa-phạt-ma, (Trung Hoa dịch nghĩa là Mãn Trụ) tức là Huyền Tôn của vua Vô Ưu nghe cây Bồ-đề ấy bị phá hủy nên vật vả thân mình nơi đất. Cầu thỉnh chư Tăng suốt 7 ngày đêm kinh hành nhiều quanh cây đào hầm hố lớn, dùng vài ngàn học sữa bò tưới vào, qua khỏi đêm ngày thứ sáu, cây sinh mọc cao hơn một trượng. Sợ người sau chặt phá, bèn xây tường đá bao bọc quanh cao hai trượng bốn thước. Cây ấy đến nay đâm mọc ra trên vách tường đá cao hơn hai trượng, chu vi rộng rộng khoảng ba thước.

Từ cây Bồ-đề ấy về hướng Đông có tinh xá xây dựng bằng gạch ngói sắc xanh cao hơn 160 thước, nền móng rộng hơn 20 bộ. Phía trên lan can móc liền bao quanh cao một trượng, tầng khám đều có tôn tượng bằng vàng, bốn phía vách tường khắc chạm hình chư thiên chư tiên, trên đánh có quả A-ma-lặc-ca bằng vàng và đồng, tức như ở Trung Hoa gọi

đó là bình báu và đài báu vậy.

Về phía Đông nam, tiếp làm Trùng các ba tầng, mái nhà đặc biệt khác lạ, đều dùng các thứ vàng bạc khắc chạm trang sức, có 3 lớp cửa phía ngoài, khám phía trong, bên tả có tôn tượng Quán tự tại, bên hữu tượng Từ Thị đều đúc bằng bạc cao một trượng, do vua Vô Ưu tu tạo. Mới đầu, tinh xá nhỏ hẹp, sau dần mở rộng. Bên trong tôn trí tượng Đức Phật thành Đạo, có vị Bà-la-môn đáp lại sự thỉnh mời mà tạo nên, chỉ cầu Hương nê và một ngọn đèn đặt trong tinh xá, suốt 6 tháng đóng cửa tu tạo mới thành, còn thừa bốn ngày, chư Tăng đều lấy làm quái lạ, nhân đó mở cửa tìm xem, thấy tôn tượng nghiêm nhiên xoay mặt về hướng Đông, ngòi kiết già chân phải đặt trên, tay trái co lại, tay phải buông duỗi, không thấy người làm. Tôn tượng ngòi tòa cao 4 thước 2 tấc, rộng một trượng hai thước năm tấc. Tôn tượng cao một trượng một thước năm tấc, hai đầu gối cách nhau tám thước tám tấc, hai vai rộng sáu thước hai tấc, đầy đủ vẻ đẹp, chỉ có phía trên núm vú phía phải đồ tiết chưa chu toàn, lại khóa lấp bằng các vật báu, từ xa trông thấy tướng ấy, trọn tự như chưa hoàn mãn. Có vị Tăng mộng thấy người thợ bảo rằng: “Ta là Từ Thị, vì sợ thợ vụng nghĩ nên tự tả tạo tôn tượng. Tôn tượng duỗi tay tức tượng Phật bao ma chỉ xuống đất mà chứng Đạo”. Gần đây Nguyệt Vương chặt phá cây Bồ-đề, sai bảo tôi tớ hủy hoại tôn tượng Phật, còn Nguyệt Vương trở về lại hướng Đông, kể tôi tớ ấy vốn có tín tâm, mới xây tường gạch chắn bít trước tôn tượng, trong tâm hổ thẹn mờ tối, nên đặt ngọn đèn ở trong, phía ngoài đắp họa tôn tượng Tự Tại Thiên. Khi công việc hoàn thành cảm báo mạng, Nguyệt Vương nghe vậy khiếp sợ, khắp thân mình đều mọc mụn nước, da thịt lở loét, sau đó bèn chết mất. Vị Quan Đại Thần bèn vội trở lại đập phá vách tường chắn bít ấy, qua lại trải nhiều ngày mà ngọn đèn vẫn còn chẳng tắt mất. Nay tại trong thất sâu, lúc sáng sớm phải mang theo kiếng soi chiếu mới trông thấy hình tướng đó. Những người trông thấy, buồn cảm kính ngưỡng quên cả trở về. Đức Phật thành Đạo so với lịch của Trung Hoa tức là ngày mùng 8 tháng 3. Thao Thượng tọa bộ thì nói là Đức Phật thành Đạo ngày 15 tháng 3. Khi ấy vừa 30 tuổi, có thuyết nói là 35 tuổi. Những sự sai khác ấy bởi từ ở đó bất đồng, do dùng lịch trước sau nên có khác như vậy. Còn lịch ở tại Thần châu mỗi mỗi chẳng đồng, cứ ba đời đính chính đổi thay kéo dài chẳng ngang bằng, việc ấy đâu có gì quái lạ. Vả lại, chỉ y cứ lấy sự chứng ngộ bèn thôi.

Sau khi chứng quả Chánh giác rồi, suốt 7 ngày đêm Đức Phật an trú trong chánh định vắng lặng, tiếp đến 7 ngày kế tiếp kinh hành ở phía

Bắc cây Bồ-đề. Hai phía Nam-bắc qua lại cách nhau hơn 10 bộ. Có hoa kỳ lạ mọc nở theo dấu chân có 18 đường văn. Người đời sau chấi gạch làm nền cao hơn ba thước. Người đời xưng gọi đó là nền Thánh tích. Nếu người muốn tỏ rõ mạng sống ngắn dài, trước nên phát nguyện chí thành, dùng dây để đo, tùy thọ mạng ngắn dài mà có chứng nghiệm thêm bớt. Ở bên tả tại đường phía Bắc trên tảng đá có một tinh xá lớn, có tạo tôn tượng Đức Phật ngược nhìn tướng cây vì muốn báo ân, lúc ấy suốt 7 này mặt Đức Phật chăm nhìn không tạm bỏ lìa. Trong ngôi tinh xá lớn ở phía Tây cây Bồ-đề, có tôn tượng bằng đá thau đứng xoay mặt về hướng Đông được trang sức bằng các vật quý báu, phía trước có tảng đá xanh đường văn kỳ đặc hình thái lạ lùng. Ngày Đức Phật mới thành Đạo, Phạm vương tạo ngôi nhà bằng 7 báu, trời Đế-thích làm tòa 7 báu. Đức Phật ngồi trên đó 7 ngày tư duy, tỏa phóng ánh sáng soi chiếu vào cây, nay 7 báu biến thành đá. Tại phía Nam cây Bồ-đề có ngôi tháp cao hơn 700 thước, là nơi lúc mới đầu Đức Phật tắm dưới sông xong sắp muốn ngồi, bèn nghĩ muốn tìm chỗ lót, Trời Đế-thích liền biến hóa làm người đem cát thi (tức cát vàng) đến dâng cúng Phật, nên vua A-duc tạo dựng tháp để biểu trưng đó. Tiếp theo về hướng Đông bắc có ngôi tháp, là nơi lúc Đức Phật chứng quả, có đàn chim tước sắc xanh đến nhiều quanh, nai đến tỏ bày tốt lành.

Về phía Đông cây Bồ-đề có con đường lớn, hai bên đường đều có một ngôi tháp, là nơi Ma vương quấy nhiễu Đức Phật nhưng bị suy yếu mà rút lui. Trong Tinh xá ở phía Tây bắc cây Bồ-đề có tôn tượng Đức Phật Ca-diếp-ba có lúc tỏa ánh sáng ở đời tương truyền: Nếu chí thành đi nhiều quanh 7 vòng thì ngay đời này liền chứng đắc trí biết túc mạng. Lại về phía Tây bắc của tường có ngôi tháp, có các giống uất kim hương nê cao hơn 4 trượng. Về góc Đông nam của tường cây có cây Ni-câu-lô, bên cạnh có ngôi tháp, trong tinh xá có tòa cao là nơi Đức Phật mới chứng quả, Đại Phạm vương đến thỉnh cầu chuyển pháp luân. Ở bốn góc phía trong tường đều có các ngôi tháp. Mới đầu, Đức Phật nhận cỏ đi đến cây Bồ-đề là trước đến phía Tây nam, đất chấn động, Đức Phật lại đến hướng Đông Bắc rồi đến hướng Đông nam, và các nơi đất đều chấn động, nên Đức Phật bèn theo hướng Tây bắc đến dưới gốc cây, xoay mặt về hướng Đông ngồi trên tòa Kim cang đất mới an tĩnh, nhân đó nên dựng lập tháp để ghi chứng vậy. Về phía Tây nam ở ngoài tường, là nơi nơi vườn nhà của hai người nữ chăn trâu, bên cạnh đó là nơi nấu cháo, lại kề bên cạnh đó là nơi Đức Phật nhận cháo, đĩa có tạo dựng tháp biểu trưng. Ở ngoài cửa phía Nam của cây Bồ-đề có ao lớn chu vi

hơn 700 bộ, nước tung lẳng là nơi nhà ở của cá rồng. Tiếp theo về phía Nam ao là nơi trời Đế Thích tạo ra để Đức Phật giặt tẩy y. Ở phía Tây ao ấy có tảng đá lớn, là nơi trời Đế Thích từ núi tuyết lại vì Đức Phật mà hong phơi y. Bên cạnh đó có ngôi tháp là nơi Đức Phật nhân y cũ. Tiếp theo về hướng Nam có ngôi tháp trong rừng là nơi Đức Phật nhận y cũ do một bà già nghèo khó dâng cúng. Về phía Đông của ao hóa ra có ao rồng trong rừng nước trong đen, mùi vị ngọt ngon. Ở bờ phía Tây, trong ngôi Tinh xá nhỏ có tôn tượng, là nơi xưa kia Đức Phật mới thành Đạo đến đó nhập định suốt 7 ngày. Long Vương đi nhiều quanh Đức Phật 7 vòng, hóa làm nhiều đầu để che Đức Phật. Từ ao rồng về hướng Đông có ngôi Tinh xá trong rừng, làm tôn tượng Đức Phật gầy ốm, bên cạnh có dấu vết kinh hành dài hơn 70 bộ, hai phía Nam-bắc đều có cây Tất-bát-la qua lại vịn nhau mà lên cao. Tức là nơi Đức Phật tu khổ hạnh nốt 06 năm mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo hạt mè. Nay những kẻ tật bệnh dùng dầu thơm bôi thoa vào tôn tượng, phần nhiều được lành mạnh. Lại có ngôi tháp nơi ở của 05 người (Năm anh em Kiều Trần như). Lại về hướng Đông nam có một ngôi tháp là nơi Đức Phật vào tắm trong sông Ni-liên thiên, tiếp đó gần nơi bờ sông là nơi Đức Phật ăn dùng bát cháo sữa, đến dưới cây đạo (Bồ-đề) nhận giải thoát. Bên cạnh đó có 2 ngôi tháp là nơi trưởng giả dâng cúng báu vật, về phía Đông nam của cây có một ngôi tháp là nơi bốn vị Thiên vương từ bốn phương đến, mỗi mỗi đều mang theo bình bát bằng vàng và bình bát bằng các vật báu đến dâng cúng nhưng Đức Phật đều không nhận nên mỗi vị mới mang bát đá đến sắc màu xanh biếc sáng ngời rồi cùng Đức Phật đều nhận tất cả. Lần lượt bên ngoài một bác hiện cả bốn phía. Bên cạnh đó có ngôi tháp, là nơi sau khi đã Thánh đạo Đức Phật vì Thánh mẫu mà giảng pháp, nơi hiện sức thần biến, nói Đức Phật hóa độ Ưu-lâu-tần-la-ca-diếp và ngàn vị học trò. Lại về phía Tây bắc là nơi Đức Phật nhiếp hóa rồng lửa, nơi 500 vị Độc giác nhập diệt. Về phía Nam của ao rồng mục chân là nơi Ca-diếp cho là Đức Phật bị đắm chìm trong nước, nơi ma quân khùng bố Đức Phật, đều có dựng tháp tiêu biểu và ghi lại chứng cứ vậy.

Ra ngoài cửa phía Bắc tường cây Bồ-đề tức có chùa Ma-ha Bồ-đề, sáu nhà 06 viện, quán các 03 lớp, chu vi tường cao 05 tượng, có bốn tượng Phật được chủ đúc bằng vàng bạc, trang nghiêm rất khéo léo, xinh đẹp hiếm có ở đời. Tháp lại cao rộng, có xá-lợi của Đức Phật lớn như lông tiết ngón tay sáng sạch đẹp xinh suốt thấu trong ngoài. Còn xá-lợi thật lớn như châu ngọc sắc xanh, hình đeo sắc hồng. Mỗi năm đến tháng Phật đản thân biến (tức ngày 30 tháng 12 ở Ấn Độ, tương

đương ngày 15 tháng giêng ở Trung Hoa) nghinh thỉnh ra cho mọi người trong xem. Lúc ấy tỏa phóng ánh sáng, mưa hoa, khiến mọi người sinh khởi tín tâm sâu sắc. Chư Tăng thường trú tại chùa đó gồm 1.000 vị, tập học theo Đại thừa và thượng tọa bộ, nghi dung phép tắc thanh tịnh chỉnh túc. Chùa ấy vốn do vua nước Tăng-già-la cầu xin vua Đại-cát-tường ở Ấn Độ tạo dựng nên, đến nay đã 400 năm, chùa xưa cũ có nhiều vị Sa-môn người nước. đối diện với cây Bồ-đề cách khoảng hơn 10 dặm những Thánh tích gần kề nhau có lắm nhiều, khó thể nêu bày đủ hết. Mọi năm sau khi chúng Tỷ-khưu an cư đã mãn, các hàng Phật tử tại gia ở khắp bốn phương cả trăm ngàn vạn người đua nhau suốt 7 ngày đêm dùng các thứ hương hoa kỹ nhạc đi khắp rừng cúng dường lễ bái chúc tụng mừng vui.

Tại Ấn Độ, chư Tăng bắt đầu vào an cư Vũ kỳ từ ngày 16 tháng 05 so với lịch số của Trung Hoa, đến ngày 15 tháng 08 thì giải hạ tự tứ. Đó cũng là tùy duyên biến đổi không thể ước định nhất khoát. Như về phía Bắc núi Tuyết có các nước chư Tăng an cư kiết xuân, an cư kiết thu v. v... với ý nghĩa trong một năm vào khoảng thời gian nhiều ẩm thấp, chư Tăng cấm chế suốt 3 tháng ở trong một trú xứ, chênh lệch trước sau một tháng thực hành không cần phải nhất định. Nếu y cứ tu đạo thì thời gian nào chẳng an. Nên suốt 3 thời du hành thông chế có tội, hẳn có duyên sự công việc cũng tùy khai mở và giúp đỡ, không chấp chặt vậy.

Từ viện nói cây Bồ-đề hướng Đông, vượt qua sông Ni-liên-thuyền, trong rừng lớn có ngôi tháp, về phía Bắc có cái ao là nơi xưa trước Đức Phật làm thân voi Hương tượng con hầu hạ voi mẹ bị mù mắt. Phía trước có dựng trụ đá là nơi xưa trước, Đức Phật Ca-diếp-ba an tọa tại đó, bên cạnh có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Trong rừng có trụ đá nhỏ là nơi Uất-đầu-lam-phát phát khởi nguyện ác. Lại theo hướng Đông vượt qua sông Mạc-ha đi bằng đường núi lớn hoang vắng hơn 100 dặm là đến núi Lũ-lô-bá-đà (tức núi Tôn Túc), thẳng lên trên 3 đỉnh núi tướng trạng như chân gà (kê túc), hình thể thẳng đứng cao vợi phô bày giữa khoảng không, một nửa lưng chừng núi trở xuống là cây rừng tươi tốt, một nửa trên là cây cỏ hoang dại. Tôn giả Ca-diếp-ba nhập định vắng lặng trong đó nên nhân đó mà xưng gọi vậy. Ban đầu, Đức Phật Thích-ca đem pháp y ca sa bằng sợi vàng do Di mẫu Kiều-đàm-di dệt thành muốn giao phó cho Đức Phật Từ Thị, khiến độ bốn chúng đệ tử sống trong Di pháp. Tôn giả Ca-diếp-ba vâng thừa ý chỉ, nên sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn đến năm thứ 20, mang pháp y ấy vào núi để chờ đợi đức Từ Thị ra đời. Phía trên có một ngôi tháp. Nửa đêm tỉnh

lắng đó tựa như bó đuốc sáng tựa soi chiếu.

Từ núi Kê Túc theo hướng Đông bắc đi hơn 100 dặm là đến núi Phật-đà-phạt-na. Ở phía Bắc sườn núi có một thất đá lớn, xưa kia Đức Phật từng dừng ở tại đó vài năm, bên cạnh có tảng đá là nơi trời Đế-thích đem Đàn Hương bôi thoa nơi Đức Phật, đến nay vẫn còn thơm ngát. Từ hang cốc trống theo hướng Đông đi ra cách hơn 300 dặm là rừng thân sắc tri (tức là Thượng lâm) khắp hang núi. Xưa kia có người dùng chiếc gậy trúc cao trượng sáu để đo lường thân Đức Phật, mà thường đưa gậy ra làm tiêu biểu, nhân đó ném bỏ gậy mà đi, chiếc gậy ấy bèn đâm rễ mà sinh mọc khắp cả núi. Bên trong có một ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật từng đến ở đó 7 ngày giảng nói pháp. Trong rừng có cư sĩ thắng Quân dùng các mạt hương làm bùn tạo hình tháp cao 5 - 6 tấc, phía trên ghi họa kinh văn đề là pháp xá-lợi, suốt thời gian 30 năm trọn ngày liền đêm không biếng trễ, tạo được 7 ức hình tháp nhỏ, cứ mỗi một ức tháp nhỏ làm một tháp lớn để tôn trí vào trong, thiết lập pháp hội thỉnh mời chư Tăng tán thán mừng vui việc ấy, và đều tỏa phóng ánh sáng. Từ Thượng lâm về hướng Tây nam cách hơn 10 dặm, ở phía Nam núi lớn có 2 dòng suối ấm nóng do Đức Phật biến hóa để tắm rửa. Mọi người xa gần đến tắm rửa chữa các chứng bệnh trầm kha cũng được lành mạnh, bên cạnh có tháp tượng Đức Phật kinh hành. Lại về hướng Đông nam của rừng cách khoảng 7 dặm, trên đỉnh núi lớn có một thất đá, là nơi xưa kia Đức Phật đã từng ở đó suốt 3 tháng mùa mưa vì các người trời giảng nói pháp. vua Tỳ-ba-la chất đá làm đường, rộng hơn 20 bộ dài 4 trượng. Từ núi lớn về hướng Đông bắc cách 4 dặm là đến thất của Tiên nhân ở Cô Sơn. Lại theo hướng Đông bắc cách khoảng 5 dặm đến một núi đơn lẻ nhỏ, có ngôi thất vách đá có thể dung chứa ngàn người ngồi. Xưa kia Đức Phật từng ở tại đó 3 tháng giảng pháp. Phía trên thất ấy có một tảng đá là nơi trời Thích Phạm dùng hương chiên-đàn bôi thoa Đức Phật đến nay vẫn còn thơm ngát. Từ thất ấy về góc Tây nam có đỉnh núi cao vợi tức là A-biểu-lạc cung. Bên cạnh thất đá là nơi vua Tần-tỳ sang chỗ Đức Phật bằng cầu dây, chặt đá mở đường thông dài 5 dặm làm thêm cấp. Lại về hướng Đông đi khoảng hơn 60 dặm là đến thành Củ-xa-yết-la-bồ-la (tức là mâu thành), lên cung thành mâu tức là chính giữa của nước Ma-kiệt-đà. Tại đó sản sinh nhiều loại Hương mâu rất ưu tối trong nước. Từ xưa lại đô thành các vua đều đóng tại núi đó. Các cửa thành đến nay vẫn hiện còn. Nhân mùi hương thơm nên gọi tên như vậy. Núi ấy cao, chung quanh 4 phía bên ngoài đều xây thành bao bọc. Phía Tây thông với đường hẹp, phía Bắc mở thoàng cửa

núi. Hai phía Đông-tây kéo dài qua lại cả 150 dặm, cây hoa đều tươi tốt, đều là sắc màu vàng ròng. Phía trong thành chu vi hơn 30 dặm nhưng hoang trống, thoáng mát, không có người vật. Ngoài cửa phía Bắc có ngôi tháp, là nơi Đức Phật duỗi tay biến hóa 5 con sư tử để nhiếp phục con voi say của Đề-bà. Lại về hướng Đông bắc có một ngôi tháp là nơi Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Tỳ-khưu Mã Thắng giảng nói pháp mà chứng đạo. Ở phía Bắc của tháp ấy có một hầm hố sâu rộng, bên cạnh lại có ngôi tháp là nơi Thất-lợi-cúc-đa cài đặt hầm lửa để hại Đức Phật. Về phía Đông bắc của hầm ấy có ngôi tháp nơi khúc cong của thành núi là vườn nhà của Phước-ca-y vương, vì Đức Phật mà thiết lập giảng đường nói pháp. Chung quanh tường thành, hoa quả gốc cây Hoàng Bá đến nay vẫn hiện còn. Xưa kia, Đức Phật phần nhiều dừng ở trong đó.

Từ cung thành về hướng Đông bắc cách 15 dặm đến núi Cô-lật-đà-la-cự-na (tức là Thửu Phong, còn gọi là Thửu Đài, hoặc Kỳ-xà-quật) tiếp liền phía Bắc, ở phía Nam núi riêng nổi cao, trên đỉnh hai phía Đông-tây dài gần đến sườn núi. Ở phía Tây có thất gạch rộng cao được xây dựng rất kỳ đặc. Cửa mở về hướng Đông. Trong 50 năm trụ thế, Đức Phật phần nhiều ở tại thất đó giảng pháp, nay có tạo tôn tượng bằng thân Đức Phật. Xưa kia, vua cảnh kiên vì nghe pháp nên từ núi đến đỉnh phải giẫm trải hang hóc leo trèo hiểm nguy, do đó chất chồng đá làm tầng cấp dài 6 dặm rộng hơn 10 bộ. Từ thạch thất ở Trượng lâm đến đó làm 3 đường thêm cấp đến nay vẫn hiện còn. Bên cạnh thêm cấp có hai ngôi tháp nhỏ, một là khiến để vua đi xuống và một là chon cho người phạm. Bên trên về phía Đông tinh xá có một tảng đá dài, xưa kia Đức Phật thường kinh hành qua lại nơi đó. Bên cạnh có tảng đá lớn cao trượng tư - trượng năm, rộng hơn 30 bộ, là nơi Đề-bà lăn ném hại Đức Phật. Dưới sườn núi phía Nam đó có ngôi tháp, xưa kia Đức Phật ở đó giảng nói kinh Pháp Hoa.

Ở sườn núi phía Nam Tinh xá có một thất đá lớn, là nơi xưa kia Đức Phật nhập định tại đó. Tôn giả A-nan ở thất riêng bị ma quân khủng bố, Đức Phật đưa tay xuyên qua đá xoa vào đỉnh đầu A-nan, nay hiện còn hang lỗ thông ấy. Từ tinh xá về hướng Đông bắc, có khe suối đá lớn và có tảng đá lớn là nơi Đức Phật hong phơi pháp y, đường vẫn đến nay vẫn còn rõ ràng. Bên cạnh có dấu chân Đức Phật, đường vẫn Luân tướng in sâu vào đá. Trên đỉnh núi phía Bắc có ngôi tháp, là nơi Đức Phật trông nhìn về thành Ma-kiệt-đà suốt 7 ngày giảng pháp. Từ cửa Bắc của Thành núi về hướng Tây có núi Tỳ-bố-la. Dưới sườn núi ở phía Tây nam xưa kia có 500 dòng suối ấm nóng, nay chỉ còn vài mươi

dòng nước vừa lạnh vừa nóng, nguồn nước xuất phát từ ao Vô nhiệt não ở núi Tuyết dòng mạch ngầm mà chảy ra đó hiện còn trong sạch mùi vị mát đồng như ở ao gốc. Đều có khắc chạm đá làm đầu sư tử đá, chung quanh dưới dòng nước chất chồng đá làm thành ao, những người đến tắm rửa, tật bệnh đều lành, chư Tăng ở các chùa phần nhiều đều đến lấy nước ở đó để uống. Dòng nước ấy để tắm gội đầu tóc thì khắp thân mình thường luôn sạch sẽ. Sư giả Vương Huyền Sách từng dùng nước ấy gội đầu đến nay đã qua 5 năm mà tóc vẫn tươi nhuận sạch sẽ, thật không thể nghĩ bàn. Hai bên dòng suối đều có Tháp và Tinh xá nền móng cũ hiện còn lắm nhiều và dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tướng núi rừng trong đây đều ẩn hiểm thấy ở phía Tây dòng suối có Thạch thất Ty-bát-la là nơi xưa kia Đức Phật thường ở, vách tường phía sau là hang thông suốt sâu đó là cung A-tố-lạc. Tại đó vua Tỳ-bố-la dựng lập tháp, nơi Đức Phật giảng nói pháp, nay hiện bày hình ngoại đạo ở đó. Từ cửa phía Bắc thành núi về bên tả sườn núi phía Nam hiểm nguy, theo hướng Đông đi 3 dặm có một thất đá lớn là nơi điều đạt nhập định. Ở phía Đông thấy ấy có một tảng đá loang lỗ vết máu là nơi xưa kia có vị Tỳ-khưu tập tu thiền định mà không chứng quả, tự đâm vào cổ mình bèn chứng đắc quả A-la-hán liền bay lên giữa không trung biến hóa lửa tự thiêu thân mình. Trên sườn núi lại có một tháp đá là nơi xưa trước có vị tu tập Thiền định ném mình xuống sườn núi mà chứng quả. Từ ngoài cửa phía Bắc cách hơn một dặm là đến Tinh xá Ca-lan-trúc-viên, nền móng đá tường thất gạch mở cửa về hướng Đông, xưa kia tức Phật phần nhiều thường ở trong đó. Thất ấy đến nay vẫn hiện còn. Nay có tạo tôn tượng ngang bằng thân hình của Đức Phật. Từ Trúc Viên về hướng Đông có ngôi tháp lớn là do A-xà-đa-thiết-đốt-lộ (nghĩa là vị sinh oán tức là vương được chia phần xá-lợi của Đức Phật nên dựng lập phụng thờ. Về sau, vua Vô Ưu mở phá mà riêng tạo dựng các tháp khác để phụng thờ. Những xá-lợi còn lại tại đó có lúc tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh đó có nơi Đức Phật kinh hành: về hướng Đông có tháp thờ tôn tượng A-nan bán thân. Từ Trúc Viên về hướng Tây nam cách 6 dặm, về phía Bắc nam sơn có ngôi thạch thất lớn trong rừng lớn là nơi Tôn giả Đại Ca-diếp-ba cùng ngàn vị A-la-hán kết tập Tam tạng kinh điển, vì là bậc thượng tọa trong chúng Tăng nên xưng gọi là Thượng tọa bộ về phía Tây bắc thạch thất ấy có ngôi tháp, là nơi Tôn giả A-nan bị trách cứ mà chứng đắc quả vị La-hán nên gọi là tháp Chứng quả. Lại theo hướng Tây đi hơn 20 dặm có một ngôi tháp là nơi Đại chúng các bậc hữu học và vô học kết tập 5 tạng Thánh giáo, nhân đó mà xưng gọi

là Đại chúng bộ.

Từ Trúc Viên về hướng Bắc cách hơn 200 bộ là ao Ca-lan là nơi xưa kia Đức Phật ở đó giảng nói nhiều pháp, nay ao ấy đã khô cạn. Từ ao ấy về phía Tây bắc cách 3 dặm có một ngôi tháp do vua A-dục tạo dựng 60 thước, có trụ đá cao hơn 50 thước, phía trên khắc ghi sự kiện dựng lập tháp. Từ trụ đá ấy hướng Đông bắc không bao xa là đến thành (tức Tân vương xá thành, thuộc về địa vực Hàn lâm, do Xà vương đời đô đến xây dựng ở đó, cách mâu thành về hướng Đông bắc khoảng 4 dặm. Quách bao bên ngoài nay đã hư hoại. Nội thành chu vi rộng hơn 20 dặm. Mặt chính chỉ có một cửa, khi vua Vô Ưu lại đời đô đến thành Hương Hoa, đem xứ đó thí cấp cho Bà-la-môn, nay hiện có ở gần ngàn gia đình. Ở phía Tây nam cung thành có 2 ngôi chùa nhỏ, là nơi xưa kia Đức Phật thường giảng pháp, khách Tăng ở các nước đến phần nhiều dừng ở tại đó. Tiếp theo về hướng Tây bắc có một ngôi tháp là nơi thôn xóm xưa cũ của Trưởng giả Thù-đề-ca (tức Thọ-đề-ca, Trung Hoa dịch nghĩa là Tinh Lịch). Ra ngoài cửa phía Nam Vương thành, bên tả đường đi có ngôi tháp là nơi Đức Phật giảng nói pháp hóa độ La-hầu-la.

Lại theo hướng Bắc đi hơn 30 dặm, đến chùa Na-lan-đà (nghĩa là Thí-vô-yểm). Đó vốn là phía Nam vườn của Yêm-một-la, xưa kia có 500 vị thượng nhân mua để cúng dường. Đức Phật ở trong đó 3 tháng giảng nói pháp. Trước sau có 5 vị vua hợp sức tạo dựng; đó là: 1 là vua Thước-ca-la A-dật-đa, Trung Hoa dịch nghĩa là Đế-nhật tạo dựng ngôi chùa ấy; 2 là vua Phật-đà-cúc-đa, Trung Hoa dịch nghĩa là Giác Hộ tiếp đến tạo dựng ở phía Nam, 3 là vua Thư-đà-yết-la, Trung Hoa dịch nghĩa là Như Lai tiếp đến tạo dựng chùa ở phía Đông, 4 là vua Bà-la A-dật-đa, Trung Hoa dịch nghĩa là Huyền Nhật tiếp đến xây dựng chùa ở phía Đông, 5 là vua Phạt-xà-la, Trung Hoa dịch nghĩa là kim cương tiếp đến tạo dựng chùa ở phía Bắc. Tường thành bao quanh sừng sờ cao 5 trượng. Tất cả có đến 7 viện, mỗi viện riêng có 3 tầng đồng làm một cửa trải qua nhiều đời tạo dựng nên vô cùng tráng lệ. Chùa ấy lập định pháp chế nghiêm mật, từ khi tạo dựng chùa đến nay, không cho người nữ đến đó. Có 10 vị Tri sự hằng đêm canh tuần kiểm xét. Người chưa thọ giới Cụ túc theo thứ tự tuổi đời mà xếp Tăng chúng có vài ngàn vị. Những bậc danh Tăng du học có gần vạn vị, phần nhiều đều là tài俊 thông học, tiếng tăm vang vọng khắp đến các xứ khác, số ấy có vài trăm vị, nên chư Tăng ở Ấn Độ đều rất kính ngưỡng phép tắc ấy. Như có ai chẳng bàn đàm tạt chỉ thì hình hại tự tổ về hổ thẹn, nên những vị tự phương khác đến luận nghị cố giữ tông phong của mình mà cất vấn,

phần nhiều đều ngã gãy mà rút lui. Hoặc có du khách đến sau, luận rõ về nghệ năng, nhưng rút bỏ lui thì trong 10 vị chẳng phải 1 đến bảy, tám. Do đó những bậc tài cao bác đạt biết rộng hiểu nhiều, những bậc thông minh tài đức lợi người nối liền phát huy tiếp vật, đến như các Samôn Hộ Pháp, Hộ Nguyệt, chỉ trách Phương Trần, Trí Huệ, Đức Kiên vang danh ngoài vật, Quang Hữu thanh luận, Thắng Hữu Cao Đàm, Trí Nguyệt Phong Giám, Giới Hiền Chỉ Nghiệp đều thuần túy ở đương thời đồng soi sáng từ xa xưa, đã học trùm cả nghi quỹ xưa cũ, tạo thuật luận thích, mỗi mỗi có vài mươi bộ, thanh hành lưu bố nơi đời. Nên Thánh tích ở chùa ấy có thể sơ lược mà tường tự vậy.

Ở phía Tây chùa ấy có một ngôi Tinh xá, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở 03 tháng giảng nói pháp. Tiếp đến về hướng Nam trăm bộ có một ngôi tháp nhỏ làn ọi có vị Tăng từ phương xa trông thấy Đức Phật. Lại về phía Nam có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đứng, hoặc có người thấy tôn tượng cầm nắm lò hương đi nhiều quanh tinh xá theo phía hữu, tiếp về hướng Nam có một ngôi tháp, là nơi Đức Phật từng ở 03 tháng mà cạo đầu, những người tật bệnh đi nhiều quanh phần nhiều được lành mạnh. Lại bên cạnh ao ở ngoài tường phía Tây có một ngôi tháp là nơi ngoại đạo chấp trước đến hỏi Đức Phật. Về phía Đông nam trong tường thành cách hơn 50 bộ có một cây gỗ kỳ lạ cao 8-9 thước đâm mọc dần bày ra hai cành, là do xưa kia Đức Phật xỉ răng vất bỏ mà sinh mọc như vậy. Lại về phía Đông có một ngôi Tinh xá lớn cao hơn 20 trượng, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở giảng nói pháp. Tiếp về hướng Bắc cách hơn trăm bộ, có Tinh xá phụng thờ tôn tượng Quán Tự Tại, mọi người thấy ứng cảm chẳng đồng, hoặc thấy đứng bên cạnh cửa, hoặc thấy ra trước mái hiên nhà, nêu theo phép nước có tập tục đều riêng cúng dường.

Tiếp về hướng Bắc có một tinh xá lớn cao hơn 30 trượng do vua Giới Nhật tạo dựng trang nghiêm độ lượng, tôn tượng Phật đồng như ở tinh xá dưới cây Bồ-đề. Tiếp về hướng Đông bắc có ngôi tháp, là nơi Đức Phật từng ở 7 ngày giảng nói pháp. Lại về phía Tây bắc tức là nơi 4 Đức Phật ngồi. Tiếp về hướng Nam có ngôi tinh xá bằng than thạch cao 80 thước cũng do vua Giới Nhật tạo dựng đến nay còn chưa hoàn thành. Lại về hướng Đông cách hơn 200 bộ, ở ngoài tường thành có tôn tượng đứng bằng đồng cao hơn 80 thước, có 6 tầng các đồng đầy, do Trụ Vương tạo dựng. Từ đó về hướng Bắc cách 3 dặm, trong một ngôi Tinh xá bằng gạch có nhiều tôn tượng Bồ-tát hình lượng cao đồng, linh thiêng khác lạ. Mỗi năm đến ngày mồng một tháng giêng lớn thiết bày cúng dường. Vua tôi các nước đồng tấu nhạc báu suốt 7 ngày mới thôi.

Ở ngoài cửa tường chùa có một cái giếng lớn là nơi Đức Phật vì các thương nhân nóng khát, chỉ xuống đất và bảo “nơi đây có thể kiếm được nước”. Nhân đó đem trục xe thọc xuống, nước suối tuôn vọt, mọi người uống nước ấy tỏ ngộ được Thánh đạo. Lại về phía Tây nam của chùa cách khoảng 9 dặm là thôn xóm xưa cũ của Mật-đặc-già-la. Vua A-dục tạo dựng tháp để ghi chứng về Tôn giả Mục Kiền Liên. Lại về hướng Đông cách 4 dặm, là đến nơi vua Tần-tỳ; Trung Hoa dịch nghĩa là cảnh kiên nghinh đón Đức Phật. Lại về hướng Đông nam cách hơn 20 dặm là đến quê cũ của Tôn giả Xá-lợi-phất, vua A-dục tạo dựng ngôi tháp, bên cạnh có tháp phụng thờ di thân của Tôn giả và cái giếng hiện còn.

Lại về hướng Đông nam cách khoảng 5 dặm có một ngôi tháp, là nơi ở thời Đức Phật Ca-diếp-ba có 3 vị Đại A-la-hán đồng nhập diệt tại đó. Lại về hướng Đông cách hơn 30 dặm có hang Đế-thích, hang hốc hiểm nguy, rừng hoa tươi tốt sừng sờ. Hai đỉnh núi đặc biệt nổi bầy, ở hang phía Tây xoay mặt về hướng Nam có một thất đá, xưa kia Đức Phật từng dừng ở tại đó. Đế-thích đem 42 điều nghi ngờ họa vào đá mà thỉnh hỏi, dấu vết ấy nay vẫn hiện còn. Tôn tượng hiện nay phỏng ước theo xưa, vào lễ bái rất chỉnh túc nghiêm nhiên. Trên đỉnh núi có vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành. Ở đỉnh núi phía Đông có ngôi chùa, chư Tăng ban đêm trông nhìn về hướng Tây thấy trước thất đá có đuốc lửa chiếu rọi sáng rực. Trước chùa ở núi Đế Thích có ngôi tháp nhọn, duyên tích như trong kinh điển tả. Từ núi Đế-thích về hướng Đông bắc cách 160 dặm, đến chùa Ca-bố-đức, Trung Hoa gọi là chùa Cáp (Bồ câu), chư Tăng có 200 vị. Ở phía Đông của chùa có ngôi tháp, là nơi Đức Phật suốt 1 đêm giảng nói pháp. Về đời xưa trước, Đức Phật làm thân chim cáp (bồ câu) ném mình vào lửa và việc La-giả ăn đó. Về phía Đông có tháp vua A-dục. Từ tháp ấy về hướng Nam đến núi Đơn Lẻ rất cao vợi, có nhiều tháp miếu. Ở trên có một tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại thân tướng bé nhỏ mà lắm nhiều oai đức. Tay nắm hoa sen, đỉnh đầu đội tôn tượng Đức Phật. Có người bỏ ăn từ 7 ngày cho đến một tháng thì bèn thấy nghi dung chân thật là trong tôn tượng xuất hiện ra. Đó là nơi tinh xá do vua Tăng-già-la tạo dựng nên vậy. Lại về hướng Đông nam đi khoảng 40 dặm có một ngôi chùa, chư Tăng có 50 vị tập học theo giáo pháp Tiểu thừa, có ngôi tháp lớn rất nhiều linh dị, là nơi xưa kia Đức Phật vì các Phạm Vương v. v... suốt 7 ngày giảng nói pháp. Bên cạnh có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành.

Từ chùa về phía Đông bắc cách hơn 70 dặm, về phía Nam sông

Khắc-già có ngôi đền thờ trời, về phía Đông có ngôi tháp lớn, xưa kia Đức Phật từng ở nơi đó 1 đêm giảng nói pháp. Lại về hướng đông vào núi rừng cách hơn trăm dặm có ngôi chùa lớn và ngôi tháp A-dục, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở 3 tháng giảng nói pháp. Lại về hướng Bắc cách 3 dặm có một ao lớn, chu vi rộng hơn 30 dặm, hoa sen 4 màu suốt 4 mùa khoe nở.

Lại về hướng Đông vào đường núi rừng cách 200 dặm, đến nước Y-lan-noa-bát-phạt-đa (thuộc Trng Ấn Độ), chu vi rộng hơn ngàn dặm, phía Bắc đô thành gần sông Khắc-già chu vi rộng 20 dặm. Chùa chiền có 10 ngôi, chư Tăng hơn 4.000 vị, phần nhiều tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 20 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Trong thành có 2 ngôi chùa, mỗi ngôi có gần ngàn vị Tăng sinh hoạt tu tập, đều học theo giáo pháp Tiểu thừa. Bên cạnh sông phía Bắc thành là núi Y-lan-noa, từ xưa lại những vị tiên chứng đắc ngã thông thường ở đó. Nay hiện có đền thờ trời là nơi xưa kia Đức Phật từng ở đó 3 tháng giảng nói pháp. Từ thành về phía Nam có ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở 3 tháng giảng nói pháp. Bên cạnh có dấu vết của 3 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Ở biên giới phía Tây nước đó tức thuộc bờ phía Nam sông Khắc-già có một quả núi đơn lẻ dài hơn một dặm, xưa kia Đức Phật từng an cư 3 tháng tại đó. Và cũng là nơi Đức Phật nhiếp hóa quỷ Cú-la và Dục-xoa. Dưới sườn phía Đông nam núi ấy, trên một tảng đá lớn có dấu vết Đức Phật ngồi in sâu vào đá hơn một tấc, dài 5 thước 2 tấc rộng 2 thước 1 tấc, phía trên có tháp che phủ. Tiếp về phía Nam, trên tảng đá có Quán-tri-ca (tức là bồn tắm) của Đức Phật đáy sâu hơn 1 tấc 8, sinh mọc ra hoa. Lại từ dấu vết của Đức Phật ngồi về phía Đông nam là dấu vết của Dục xoa, dài một thước 8 tấc rộng 8 tấc, sâu 2 tấc. Trên đỉnh núi có thất xưa cũ của Dục Xoa, về phía Bắc dựng tạo vết tích Đức Phật dài một thước 8 tấc, rộng hơn 6 tấc sâu nửa tấc, phía trên có tháp che phủ. Từ đó về hướng Tây có dòng suối nóng dài sáu bảy dặm, nước rất nóng. Tại phía Nam nước ấy có rừng lớn, lắm nhiều voi đồng hoang rất lớn.

Từ đó thuận theo bờ phía Nam sông Khắc-già đi về hướng Đông cách 300 dặm, đến nước Chiêm Ba (thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, phía Bắc đô thành gần sông Khắc-già, chu vi rộng hơn 40 dặm. Có vài mươi ngôi chùa, chư Tăng hơn 200 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Có hơn 20 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn, tường thành xây dựng bằng gạch cao vài trượng, cách địch thù cao vợi. Ở thời sơ kiếp, mới đầu người vật hoang dã sống

nơi hang huyệt. Về sau có thiên nữ xuống trong loài người đi rảo rọi sông Khắc-già tắm rửa, tự mến yêu, bèn cảm linh thiêng mang thai sinh 4 người con, phân ở Nam thiêm bộ châu, phân chia biên cương dựng lập thôn ấp. Và đó là Đô thành của một người con, tức vị chúa đầu tiên ở Nam thiêm bộ châu. Đất ở đó ấm nóng rất thích nghi với loài voi. Từ thành ấy về hướng Đông nam cách 150 dặm, nước sông Khắc-già chảy xoay lại cô châu. trên sườn núi bên trong có đền thờ trời rất linh dị. Biên giới nước ấy hoang trống, voi sinh sống kéo nhau đi từng đàn.

Lại theo hướng Đông đi hơn 400 dặm đến nước Yết-chu-hút-kỳ-la (thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm. Có 7 ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị, có 10 ngôi đền thờ Trời, các hàng Di đạo chung sống lẫn lộn. Xứ đó lắm nhiều dòng suối nước nóng. Từ thành về phía Bắc, bên bờ sông Khắc-già có một Đài cao lớn được xây dựng bằng gạch. Bốn mặt khắc chạm tôn tượng Đức Phật, chư Thiên v.v... về cảnh vực phía Nam có nhiều voi hoang đồng trống. Vua Giới Nhật đi tuần du đến phương Đông đến đó dựng tạo Hành cung. Lại theo hướng Đông vượt qua sông Khắc-già hơn 600 dặm đến nước Bôn-na-phạt-đàn-na (thuộc trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm. Chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm, dân chúng sinh sống đông đầy. Có hơn 20 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị tập học giảng pháp cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa có trăm ngôi đền thờ trời. Các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn, lộ bày thân hình riêng lắm nhiều. Từ thành ấy đi về hướng Tây cách hơn 20 dặm, có ngôi chùa lớn, chư Tăng có hơn 700 vị đều tập học giáo pháp Đại thừa. Các bậc Danh Tăng ở Đông Ấn Độ phần nhiều xuất phát từ đó. Có tháp vua A-dục tạo dựng. Xưa kia Đức Phật từng đến ở đó 3 thành giáo nói pháp, vào những ngày trai tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Tiếp theo trong tinh xá có tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, thần biển giáng hiện chẳng chỉ một lần. Có người bỏ ăn nhiều ngày cầu nguyện hẳn có ứng cảm. Đất đai xứ đó ẩm thấp, là nơi sản sinh ra quả Bát-da-bà, đã nhiều mà lại quý, lớn như trứng hạc, hoặc tại trên cành cây hoặc ở trong rễ cây tựa như loại phục linh vậy.

Lại về hướng Đông hơn 900 dặm đến nước Già-ma-lũ-ba (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng hơn vạn dặm. Chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Xứ đó đến nay vẫn chưa có Phật pháp, dân chúng tự phụng thờ trời thần. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo đông cả vạn người. Có vua Câu-ma-la (tức là Đông tử) sinh sống tại đó, tương thừa tiếp nối cả hơn ngàn đời, đất suối ấm nóng, người vật rất xương thạch, lãnh vực phía Đông nước đó tiếp liền với phía Tây nam của nước Trung

Hoa, có các giống dân man lão ở đó triều cống v.v... Lại đi thêm khoảng hai tháng là vào biên giới phía Tây của đất Thục. Về phía Đông nam nước đó có lắm nhiều loài voi hoang dã, vua xứ đó nghe tên Sa-môn Huyền Trang từ xa đến Trung Thiên (Ấn Độ), bèn nghinh thỉnh đến Đông Ấn Độ. Khi đã thấy gặp dốc lòng kính ngưỡng như đã quen thuộc từ lâu trước, nên sinh tâm kính tin Phật pháp, mở mang hoàng hóa. Sa-môn Huyền Trang lại luận nghị nhiếp phục ngoại đạo, trao truyền pháp Quy giới, càng mở rộng xiển dương giáo hóa. Nên Phật giáo có được ở Đông Ấn Độ là do Sa-môn Huyền Trang hoằng dương vậy. Tiếng tăm vang vọng khắp xa gần, vua Giới Nhật nghe biết, lại nghinh thỉnh Sa-môn Huyền Trang trở về lại trời Tây và càng thêm sự lễ kính việc thấy rõ Biệt truyện.

Từ đó, theo hướng Nam đi 1.300 dặm đến nước Tam-ma-đát-tra (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng hơn 3.000 dặm, gần biển thấp ẩm, chu vi Đô thành hơn 20 dặm. Có hơn 30 ngôi chùa, chư Tăng hơn 2.000 vị, tu tập theo Thượng tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo lỏa hình lắm nhiều. Bên cạnh thành có tháp của vua A-dục, là nơi xưa kia Đức Phật đã từng đến giảng pháp 7 ngày. Bên cạnh lại có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Trong ngôi chùa bên cạnh có tôn tượng bằng ngọc sắc xanh cao 8 thước, tướng hảo oai nghiêm. Từ đó theo hướng Đông Bắc men đường biển lớn đi trong hang núi, có nước Thất-lợi-sai-đát-la, tiếp về góc biển Đông nam có nước Ca-ma-lân-ca, tiếp về hướng Đông có nước Đọa-la-bát-để, tiếp về hướng Đông có nước Thường-na-bổ-la, tiếp về hướng Đông có nước Ma-ha-chiêm-ba; tức là Lâm ấp, tiếp về hướng Tây nam có nước Diêm-ma-na-châu, cả 6 đất nước ấy đường xá hiểm trở nên chẳng đi đến.

Lại từ nước Tam-ma-đát-tra theo hướng Tây đi 900 dặm đến nước Đam-ma-lật-để (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng 1.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, gần bờ biển thấp ẩm. Có 10 ngôi chùa, có hơn ngàn vị Tăng. Có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn, có tháp do vua A-dục dựng lập và có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 700 dặm đến nước Yết-la-noa-tô-phạt-thích-na (thuộc Đông Ấn Độ), chu vi rộng 4.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, người vật sinh sống đông nhiều, tà chánh lẫn lộn gồm một nửa. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 2.000 vị, tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo rất đông nhiều. Riêng có 3 ngôi chùa chư Tăng không ăn dùng sữa tồ; theo phái Điều Đạt bộ. Phía ngoài Thành có ngôi chùa

tháp do vua A-dục tạo dựng, xưa kia Đức Phật từng ở đó giảng pháp 7 ngày. Bên cạnh có ngôi tinh xá có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền.

Lại về hướng Tây nam đi hơn 700 dặm đến nước Ô Trà (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng kính tin Phật pháp. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị học giảng pháp Đại thừa. Có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Có hơn 10 ngôi tháp, đều là những nơi xưa kia Đức Phật từng đến giảng nói pháp. Về cảnh vực ở phía Tây nam trong núi lớn có ngôi chùa lớn tháp đá có lăm điềm linh dị, trong những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng, tiếp dưới mâm bày trên che thế bát, dùng lọng hoa đội đặt đó bèn đứng như đá nam châm vậy, từ đó về hướng Tây bắc có núi, chùa tháp khác lạ đồng như trước, hai ngôi tháp ấy đều do quỷ thần tạo nên. Về cảnh vực phía Đông gần biển lớn có thành Chiếc-lợi-đát-la (nghĩa là phát hành) chu vi rộng hơn 20 dặm, là nơi Thượng nhân vào biển dừng nghỉ giữa đường. Tiếp theo ngoài thành ấy có 5 ngôi chùa đài các cao lớn, tôn nghi đẹp xinh khéo lạ. Về hướng Nam đến nước Tăng-già-la cách hơn hai vạn dặm, ban đêm tĩnh lặng trông nhìn lại Tinh xá Phật nha phô bày lên trên vài trăm thước có vật báu Bát-đàm-ma-ha-già (vật báu lớn như thăng tức là hổ phách vậy) tỏa sáng soi chiếu như treo đuốc trên thành ấy.

Lại theo hướng Tây nam đến rừng lớn cách hơn 1.200 dặm đến nước Cung-ngự-đà, chu vi rộng hơn ngàn dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, gần kề bờ biển đất đái vừa nóng vừa ẩm. Có lăm vật báu như Loa bối trân châu, voi sắc xanh lớn v.v... Dân chúng xứ đó có tập tục tin theo ngoại đạo. Có trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo có hơn vạn người. Trong cảnh vực có vài mươi thành nhỏ tựa đứng vào núi biển. Lại theo hướng Tây nam đi qua rừng hoang lớn cách 1.500 dặm đến nước Yết-lục-ca (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, hiếm ít kính tin Phật pháp. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 500 vị đều tập học theo Đại thừa Thượng Tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đông nhiều. Phía Nam thành ấy có tháp vua A-dục cao hơn trăm thước là nói 4 Đức Phật tọa thiền. Cảnh vực phía Bắc duỗi ra núi lớn, trên đỉnh có ngôi tháp cao hơn trăm thước, là nơi vào thời thọ mạng con người không thời hạn có vị Độc giác nhập diệt tại đó. Trong nước đó vào rừng sâu cách vài trăm dặm là nơi sinh sản ra loài hương tượng, các nước lân cận vô cùng quý trọng. Xưa kia có vị Tiên nhân chứng đắc ngũ thông nung nấu nơi hang

núi, có người xúc chạm nên tất cả đều rút lui, bèn dùng chú thuật xấu ác giết hại người nước ấy. Nay chỉ còn lại hiếm ít.

Từ đó lại theo hướng Tây bắc vào trong núi rừng đi hơn 1.800 dặm đến nước Kiều-tát-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, trên đỉnh núi toàn là rừng chầm bao bọc chung quanh liên tiếp, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm, thôn xóm cùng trông liền nhau. Dân chúng rất kính tin Phật pháp. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có gần vạn vị đều tập học giáo pháp Đại thừa, có 70 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Ở phía Nam của thành có chùa tháp xưa cũ, là nơi xưa kia Đức Phật từng hiện thân thông nhiếp phục ngoại đạo. Về sau, Bồ-tát Long Mãnh ở trong chùa đó. Lại về phía Tây nam cách hơn 300 dặm có núi Bạt-la-mạt-la-kỳ-ly (nghĩa là Hắc Phong) cao với riêng troi đỉnh núi hiểm nguy, đã không sườn men hang hốc như toàn là đá. Trong nước đó xưa trước có vua Dẫn chánh vì vô lậu Long Mãnh mà đục núi làm chùa. Cách núi vài mươi dặm đục mở đường thông, đứng dưới chân núi ngửa mặt nhìn xuyên đá đứng sừng, hiêng vũ kéo dài, mái bộ đài cao trùng các, mỗi mỗi có 5 tầng, mỗi tầng có 4 viện đều có Tịnh xá đẹp xinh khéo léo. Từ trên đỉnh núi trông đở các dòng suối chất chồng giao thông lẫn nhau, khơi thông dẫn rõ bên trong suốt sáng đến lúc sức người đã hết, phủ tạng mới tận. Công việc ấy chưa đến một nửa, vua rất lo âu, Bồ-tát Long Mãnh mới kín dùng thần dượt rót vào các đá lớn đều biến thành vàng. vua trông thấy vàng vui mừng đồng mãnh tạo tác thành tựu đến tầng thứ năm. Trong mỗi mỗi tầng đều có chủ đúc 4 tôn tượng bằng vàng lớn đồng như thân tượng Đức Phật, ngoài ra còn thừa cất chứa trong kho. Nhân đó mà trong chư Tăng có tránh giành, người thợ dùng xài hao phí mất tan đã lâu, nay chỉ có các Tịnh nhân giữ gìn bảo hộ số ấy lắm nhiều. Lại giấu giữ kín hang lỗ ấy không thể liền trông thấy. Lại nữa, sau khi kết tập pháp tạng hết thầy các kinh đều tàng trữ trong núi ấy không mang ra ngoài. Gần đây có vị thầy thuốc vào trong đó chữa trị bệnh, sau được trông thấy mà ra, nên hiếm có người vào được trong đó.

Lại từ hướng Nam theo đường rừng đi hơn 900 dặm đến nước Ấn-đạt-la (thuộc Nam Ấn Độ), chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, có 20 ngôi chùa, chư Tăng có hơn 3.000 dặm. Có hơn 3.000 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Bên cạnh thành có ngôi chùa lớn, trùng các đẹp xinh khéo léo, tôn tượng Phật cũng khác so với trước, có ngôi tháp đá cao vài trăm thước, đều do Đại A-la-hán A-chiếc-la (tức là sở hành) tạo dựng gần chùa, về phía Tây

nam cách hơn 20 dặm có núi đơn lẻ, trên đỉnh có ngôi tháp đá. Tức là nơi Bồ-tát Trần-na tạo luận Nhân minh. Lại về phía Tây nam có một ngôi tháp, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng nói pháp.

Từ đó theo rừng hoang đi về phía Nam cách hơn ngàn dặm đến nước Bạt-na-yết-trách-ca (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm. Chùa chiền bị hư hoại lắm nhiều, hiện tại chỉ còn hơn 20 ngôi, chư Tăng có hơn ngàn vị đều tập học theo Đại Chúng bộ. Có hơn năm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo rất đông nhiều. Hai phía Đông-tây của thành men tựa giữa khoảng núi, mỗi mỗi đều có các ngôi chùa lớn. Xưa kia, vua vì Đức Phật đến đặt đá núi khắc đục đá chế tạo rất hoa vẻ rộng thoáng, là nơi đến dừng nghỉ của các bậc Hiền thành. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn không bao lâu có ngàn vị Phạm Tăng đến an cư, tới ngày mãn hạ đều chứng đắc quả vị vô học vọt bay giữa hư không mà đi, nay vắng bật không một người. Có Luận sư Bà-tỳ-phê-già (nghĩa là Minh Biện) tức là luận Chủ Bát-nhã-đăng, đối trước tôn tượng Bồ-tát Quán-tự-tại bỏ ăn mà uống nước suốt 3 năm đợi chờ mong thấy Đức Từ Thị. Bồ-tát Quán-tự-tại mới hiện sắc thân khiến đến nơi hang núi lớn phía Nam thành ấy; chỗ thần chấp Kim cang tưng chú Kim cang. Qua 3 năm, thần trao cho phương thức rằng: “Trong hang đá đây có cung A-tô-lạc, nếu người đứng như pháp thực hành cẩn thận, vách đá sẽ mở toan, có thể vào bên trong. Đợi Đức Từ Thị ra đời, ta sẽ vì báo cho”. Lại trải qua 3 năm đốt chú hạt cải đánh vào vách đá, bỗng nhiên liền mở suốt. Khi ấy có trăm ngàn người trông thấy đều kinh lạ tán thán. Luận sư giẫm bước vào cửa, vài ba phen ngoáy trông nhìn lại, chỉ có 6 người theo vào. Ngoài ra mọi người đều cho đó là hang rắn độc. Khi ấy vách tường đá liền khép kín lại như cũ.

Từ đó theo hướng Tây nam đi hơn ngàn dặm, đến nước Châu-lợi-na (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng 2500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, người vật hiếm ít. Chư Tăng chùa chiền chỉ sơ sài. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, lắm nhiều ngoại đạo lửa hình, phía Đông thành ấy có tháp vua A-dục, đó là nơi xưa kia Đức Phật độ người nhiếp phục ngoại đạo. Phía Tây thành ấy có chùa xưa cũ, là nơi Bồ-tát Đề-bà cật vấn A-la-hán Ôn-đát-la. Qua 7 ngày bảy hỏi rồi, A-la-hán Ôn-đát-la ngậm miệng không đáp, riêng vận dụng sức thần thông sang chỗ Đức Từ Thị, Đức Từ Thị bảo rằng: “Bồ-tát Đề-bà là một Đức Phật trong Hiền kiếp, chẳng phải đối tượng của ông có thể đối đáp!”. Chỉ trong khoảng khảy móng tay, A-la-hán Ôn-đát-la trở về lại cùng đối đáp. Bồ-tát Đề-bà nhận biết đó mà bảo rằng: “Đây chính là sự giải thích của Đại sĩ Từ Thị

vậy”.

Lại theo hướng Nam đi đường rừng hoang dã cách 600 dặm đến nước Đạt-la-tỳ-trà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị đều tập học theo Thượng Tọa bộ. Có hơn 80 ngôi đền thờ trời, và lắm nhiều lỗa hình ngoại đạo. Có tháp của vua A-dục tạo dựng là nơi xưa kia Đức Phật đã từng vài lần đến đó giảng nói pháp độ người. Ở phía Nam của thành có ngôi chùa lớn, có tháp cao hơn trăm thước, là nơi xưa kia Đức Phật từng đến giảng pháp nhiếp phục ngoại đạo. Lại có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền.

Từ đó theo hướng Nam đi hơn 3.000 dặm đến nước Mạt-la-củ-tra (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng 40 dặm. Chư Tăng hiếm ít. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo phần nhiều là lỗa hình, đất đai nhiễm chất muối mặn, nên không cây cối tươi tốt. Ở phía Đông của thành có ngôi chùa của em vua A-dục lại có ngôi tháp do vua A-dục dựng tạo, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng pháp. Như ai cầu mong gì đều được toại nguyện. Phía Nam nước đó gần biển có núi Mạc-thích-da, có cây bạch đàn hương, lại có loại cây Yết-bố-la hương thân như cây tùng, là khác lạ, hương thơm như băng tuyết, tức hương thơm long não vậy. Phía Đông núi ấy có núi Bồ-thư-lạc-ca, trên đỉnh có ao, dòng nước tuôn đổ xuống ra sông lớn, vòng quanh núi 30 vòng rồi đổ vào Nam Hải. Bên cạnh có ao và thiên cung, tức nơi đến dừng nghỉ của Bồ-tát Quán Tự Tại. Những người mong cầu, thấy là tượng Tự Tại Thiên. Phía Đông bắc núi ấy bờ biển từ thành cổ nước Tăng-già-la nay đi vào trong biển cách hơn 3.000 dặm là đến nước Tăng-già-la (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ, tức Chấp-sư-tử) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm. Nhà cửa dân chúng đông nhiều. Có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn hai vạn vị, đều tu học theo Thượng Tọa bộ. Bên cạnh cung điện có Tinh xá tôn thờ rằng Đức Phật cao rộng đồng như trước. Tại trong cung thường ngày thiết bầy thức ăn cúng dường 18.000 vị Tăng. Trong khoảng 10 năm trở lại đây vì nước loạn nên mới phê bỏ. Bên cạnh tinh xá thờ rằng Đức Phật, trong một ngôi tinh xá nhỏ có tôn tượng Đức Phật ngồi bằng vàng đồng, trên đỉnh nhục kế thiết đặt vật báu kỳ lạ. Ban đêm có kẻ đến trộm nhưng không thể với tới đầu tôn tượng, bèn nói rằng: “Xưa kia Đức Phật xem thường tánh mạng vì cứu độ quần sinh, cơ sao nay lại mến tiếc vật báu như vậy?”. Tôn tượng mới cúi đầu cho đó. Về sau, nhà vua biết được mà không buộc tội kẻ ấy, lại chuộc vật báu ấy lại để thiết trí trên đỉnh đầu

tôn tượng như cũ. Đến nay cúi đầu về góc Đông nam nước đó, cách vài ngàn dặm đến châu Na-la-kê-la. Người xứ đó thân cao 3 thước, chim chóc chỉ ăn hạt da. Ở góc Đông nam châu nước ấy có núi Tuấn-ca là nơi lui tới của quỷ thần. Đức Phật xưa kia từng đến đó giảng nói kinh pháp. Từ châu đó về hướng Tây đi bằng đường biển cách vài ngàn dặm có hòn đảo đơn lẻ, ở mé phía Đông có tôn tượng Phật bằng đá cao hơn trăm thước, xoay mặt về hướng Đông dùng Nguyệt Ái Châu (ánh trăng mền ngọc) làm nhục kế, lúc ánh trăng sắp soi chiếu, nước liền từ cao đổ xuống, mọi người lấy đó để dùng từ núi đó về hướng Tây, nói theo đường biển lại trải qua vài ngàn dặm, có châu vật báu lớn, không người nương ở, vì tìm sang nhưng không ai đến đó được.

Lại từ nước Đạt-la-tỳ theo hướng Bắc đi bằng đường rừng cách hơn 2.000 dặm đến nước Cung-đạt-na-bổ-la (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị, tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Bên cạnh cung thành có chùa lớn, tinh xá cao hơn 10 trượng, chư Tăng hơn 300 vị. Bên trong có mũ báu của Thái tử Nhất-thiết-nghĩa-thành lớn rộng vài thước. Vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng. Tức lúc đang là Bồ-tát, ở bên cạnh thành lớn, trong ngôi chùa lớn có Tinh xá cao hơn 5 trượng, La-hán Bách-nhi-ức tạo tôn tượng Từ Thị bằng gỗ chiên-đàn, cao hơn 1 trượng vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng. Từ thành ấy về phía bắc gần rừng Đa-la, chu vi rộng hơn 30 dặm, cây đa lá lớn dài, sắc màu sáng sặc, các nước đều đến hái để dùng viết sách. Trong rừng đó có tháp, vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành, có 200 ức tháp thờ xá-lợi của Đức Phật. Cũng trong rừng đó, ở phía Đông của thành có ngôi tháp cao 3 trượng tôn thờ xá-lợi, vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng. Xưa kia, Đức Phật từng đến đó giảng nói pháp. Lại về phía Tây bắc tại trong rừng là nơi thú dữ nương ở.

Lại cách 2.500 dặm là đến nước Ma-ha-thích-đà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm. Đô thành ở gần sông lớn chu vi rộng hơn 30 dặm, nước đó có phong tục, có ân hân đáp trả, có oán ác báo đền, Cường-lương-bạt-hổ chẳng tiếp khách vua Giới Nhật. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, tu tập cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có hàng trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo rất đông nhiều. Trong và ngoài thành lớn có 5 ngôi tháp, vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành, do vua A-dục tạo dựng nêu chứng đó. Ở phía Nam của

thành, trong ngôi chùa xưa cũ có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại bằng đá, mọi người đến mong cầu phần nhiều đều đạt quả nguyện. Ở cánh vức phía Đông có chùa Đại Sơn do vị A-la-hán tạo dựng, lại có tinh xá lớn cao hơn trăm thước, có tôn tượng bằng đá cao hơn 70 thước, phía trên có lọng đá 7 tầng rỗng trống giữa không trung, mỗi tầng cách nhau 3 thước. Tương truyền rằng là do nguyện lực của vị A-la-hán ấy hộ trì, hoặc do sức oai thần, hoặc do sức của dược thuật, các thuyết chẳng đồng nhất. Bốn mặt của tinh xá đều điêu khắc chạm trổ tôn tượng các tướng của Đức Phật từ nhân địa tu hành cho đến lúc chứng quả và nhập Niết-bàn. Hai phía Nam-bắc ở ngoài chùa mỗi bên đều có một tôn tượng bằng đá, tương truyền mỗi lúc tượng rỗng thì đất lay động. Từ đó theo hướng Tây đi hơn ngàn dặm vượt qua sông Nại-mạc-đà đến nước Bạt-lục-yết-chiếp (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng 2.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng kính tin cả tà lẫn chánh. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị đều tập học theo Đại thừa Thượng Tọa bộ. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Đất đai xứ đó nhiễm muối rất mặn nên cây cỏ hiếm ít.

Từ đó theo hướng Tây bắc đi hơn 2.000 dặm đến nước Ma-lạp-bà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, men theo sông Mạc-ha. Về phía Đông nam là chốn trong học của 5 xứ Ấn Độ. Tánh tình con người xứ đó thuần thục hòa thuận, ở các nước khác không có, đồng như ở Nam Châu xứ Ma-kiệt-đà, rất kính Đạo giáo của cả hai nước mà thôi. Tà chánh đều tin. Có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn hai vạn vị, đều tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo bôi tro vào mình tập tục ấy lắm nhiều. Từ thành về phía Tây bắc cách 20 dặm có ấp Đại Bà-la-môn, bên cạnh đó có hầm hố lớn, nước chảy không đầy, tức là nơi xưa kia có vị Bà-la-môn rất khinh mạn phỉ báng Phật giáo Đại thừa nên bị vùi lấp vào chốn địa ngục. Từ đó hướng Tây nam vào đường biển, lại theo hướng Tây bắc đi hơn 2.500 dặm đến nước A-tra-ly (thuộc Nam Ấn Độ), chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng đông nhiều, mọi nhà đều phụng thờ trời thần, có hơn 10 ngôi đền, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Đất cát nhiễm muối mặn, sản sinh giống cây hồ tiêu như cây tiêu ở đất Thục vậy, lại sản sinh loại cây huân lục hương, là tợ như lá cây Đường. Lại từ nước Ma-lạp-bà theo hướng Tây bắc đi 3 ngày (mỗi ngày đi được khoảng năm dặm) đến nước Khế-tra (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi nước đó rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng sinh sống đông đầy. Có hơn 10

ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị tập học cả pháp Đại thừa Tiểu thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo đặc biệt đông nhiều. Lại theo hướng Bắc đi hơn ngàn dặm đến nước Phạt-lạp-tỳ (tức riêng khác của Bắc-la-la thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, dân chúng ở đông nhiều. Người giàu có của cả trăm ức có đến vài trăm nhà. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 6.000 vị, phần nhiều là tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo cũng đông nhiều. Xưa kia Đức Phật đã từng vài lần đến đó, vua A-dục dựng lập nhiều ngôi tháp, có vết tích của 3 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ đó lại theo hướng Tây bắc đi hơn 700 dặm đến nước A-nan-đà-bổ-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng nhà cửa đông nhiều. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng gần ngàn vị tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Từ nước Phạt-lạp-tỳ theo hướng Tây đi hơn 500 dặm đến nước Tô-thích-tra (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, phía Tây men tựa theo sông Mạc-lê, người ở Đông đây nhưng thuộc nước Phạt-lạp-tỳ kính tin cả chánh lẫn tà. Có hơn 50 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị tập học theo Thượng Tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Đất đai nhiễm chất muối mặn hoa quả hiếm ít. Từ nước đó đi theo hướng Tây bằng đường biển cách không xa về phía Tây của thành trên đỉnh núi có ngôi chùa rất thoáng rộng đẹp xinh là nơi các bậc tiên hiền đến dừng nghỉ.

Lại từ nước Phạt-lạp-tỳ theo hướng Bắc đi hơn 1.800 dặm, đến nước Cù-chiếc-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Dân chúng đều thiếu sự kính tin Phật pháp. Chỉ có 1 ngôi chùa, chư Tăng hơn trăm vị tập học theo pháp Tiểu thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo đông nhiều. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 2.800 dặm đến nước Ố-xà-diễn-na (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Dân chúng đông nhiều. Hiện tại có 5 ngôi chùa, chư Tăng có 300 vị tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn, đất đai nhiễm mặn, hiếm ít hoa quả. Bên cạnh thành có ngôi tháp là nơi vua Vô Ưu tạo dựng chốn địa ngục.

Lại theo hướng Đông đi hơn ngàn dặm đến nước Trích-chỉ-đà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng

hơn 15 dặm, có vài mươi ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại hơn ngàn vị. Lại theo hướng Bắc đi hơn 900 dặm, đến nước Ma-hê-thấp-phạt-la-bổ-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng không kính tin Phật pháp, có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo bôi tro vào thân mình. Lại từ nước Cù-chiêc-la theo hướng Bắc, trải qua bãi sa mạc hoang vu đi 2.000 dặm vượt qua sông Tín Độ đến nước Tín Độ (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Đất đai sản sinh các loại vàng bạc than đá. Trên đỉnh núi sinh sản loài lạc đà thân hình rất thấp nhỏ, phát sinh các màu đỏ trắng đen lam. Dân chúng kính tin Phật pháp. Có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị đều tập học theo Tiểu thừa Chánh Lượng bộ, mà phần nhiều biếng nhác hành trì. Có 30 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Xưa kia Đức Phật từng đến xứ đó, vua A-dục tạo dựng khoảng vài mươi ngôi tháp. Bên cạnh sông Hữu Ô cách hơn ngàn dặm men theo bờ đầm có vài trăm ngàn nhà chuyên sống nghề chăn nuôi trâu (dê?), chỉ giết hại lấy làm việc chính, không có sự khác biệt của sang, hèn, nam-nữ, Đạo-tục mà cạo bỏ đầu tóc đắp mặc ca sa, hình tướng đồng như Tỷ-khưu mà hành vi thô tục. Lại ôm hoài tiểu kiến, bài xích Đại thừa. Xưa kia có vị A-la-hán bay giữa không trung sang đó giáo hóa, trao truyền cho pháp Tam quy rồi cạo đầu đắp mặc pháp phục nhiêm sắc. Sau đó trở lại ăn mặc theo phong tục vốn xưa cũ vậy.

Từ đó theo hướng Đông đi hơn 900 dặm, vượt qua bờ phía Đông sông Tín Độ đến nước Mậu-la-tam-bộ-lô (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Dân chúng đều thuộc nước Trách-ca, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng rất hiếm ít, đặc biệt kính tin theo trời thần, có 8 ngôi đền thờ. Các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Bên cạnh thành có đền thờ mặt trời, trang nghiêm rất tráng lệ, chủ đúc hình tượng trời bằng vàng, dùng các ngọc quý báu để trang sức, nữ nhạc thường luôn hòa tấu, khắp bốn phía là ao hoa rừng cây tươi tốt xinh đẹp. Các vua ở 5 xứ Ấn Độ đều đến đó tạo dựng nhà phước đức, xả thí của cải cung cấp cho người nghèo khó tật bệnh. Lại theo hướng Đông bắc đi hơn 700 dặm đến nước Bát-phạt-đa (thuộc Bắc Ấn Độ), nước ấy phụ thuộc nước Trách ca, chu vi rộng hơn 500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng đều kính tin lẫn lộn. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị, tập học các pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có tháp do vua A-dục tạo dựng, có 20 ngôi đền thờ trời. Bên cạnh thành có ngôi chùa lớn, chư Tăng hơn trăm vị đều tập học theo Đại thừa, gần

đây, đền thờ trời bị hỏa hoạn thiêu cháy. Đất đai nhiều lúa thóc khô.

Từ sông Tín độ theo hướng Tây nam đi 1.600 dặm đến nước A-điểm-bà-súy-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Ở cảnh vực phía Tây nhỏ hẹp, đất dần thấp xuống, gần sông Tín Độ là bờ biển lớn. Dân chúng rất kính trọng Phật pháp. Có hơn 80 ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, phần nhiều tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo bôi tro thân hình. Xưa kia Đức Phật dừng đến xứ đó. vua A-dục có tạo dựng 6 ngôi tháp. Lại từ thành này theo hướng Tây cách gần 2.000 dặm đến nước Lang-yết-la (thuộc Tây Ấn Độ), chu vi ngang dọc mỗi phía vài ngàn dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, dân chúng sinh sống đông đầy. Gần Tây Hải vào nước Tây an, đường đi phụ thuộc nước Ba Tư. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 6.000 vị, tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo bôi tro thân mình rất đông nhiều. Đất đai đượm nhuần, trăm thứ cỏ cây tươi tốt.

Từ đó theo hướng Tây bắc tức đến nước Ba Tư (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ), chu vi rộng vài vạn dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm. Người vật xứ đó rất đông nhiều. Có 3 ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài trăm vị. Đền thờ trời rất nhiều. Đất đai sản sinh các thứ vàng, bạc, thau, đá, pha chi, thủy tinh. Con người chết phần nhiều vất bỏ thi thể. Bình bát của Đức Phật hiện tại trong cung vua. Cảnh vực phía Đông có thành quách Hạc mạc, chu vi rộng hơn 60 dặm, dân chúng đông nhiều. Về phía Tây bắc tiếp giáp với nước Phất-lãm (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ) là xứ sản sinh con bách cầu, vốn vịt đầu đỏ sinh sống ở trong hang. Căn cứ theo Cống Chức đồ thời nhà Lương nói rằng: “Từ nước Ba Tư theo hướng Tây đi 1 vạn dặm đến cùng cực, về hướng Tây nam có hải đảo có nước Tây An (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ). Thường năm, nước Phất-lãm riêng đưa Nam phu đến phối hợp đó vậy”. Và cũng theo Công Chức Đồ ấy lại nói: “Từ nước Ba Tư theo hướng Tây đi cách 1 vạn dặm cùng cực, và từ nước Bà-la-môn về hướng Nam cách 1 vạn dặm”. Lại là Bà-la-môn, đến nay sang đo lường nghi rất xa xăm vậy. Lại từ nước A-điểm-bà-súy-la về hướng Bắc cách hơn 700 dặm đến nước Tý-đa-thế-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng đông nhiều đều thuộc nước Tín Độ. Có hơn 50 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị tập học theo Tiểu thừa Chánh Lượng bộ, có hơn 20 ngôi đền thờ trời. Các hàng ngoại đạo bôi tro thân mình. Từ thành về phía Bắc cách 16 dặm có một khu rừng lớn là hơn

4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. vua A-dục dựng lập tháp cao vài trăm thước, bên trong có tôn thờ xá-lợi tỏa phóng ánh sáng, là nơi xưa kia Đức Phật từng làm tiên nhân nhẫn nhục bị vua xứ ấy giết hại. Về phía Đông có ngôi chùa cổ. Lại về hướng Đông bắc cách hơn 300 dặm đến nước Phạn Trà (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng 2.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Nước ấy không có quân trưởng, tất cả đều tùy thuộc nước Tín Độ. Có 20 ngôi chùa, chư Tăng hơn 2.000 vị, tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ, có 5 ngôi đền thờ trời, các ngoại đạo bôi tro thân mình. Đất đai xứ đó sản sinh nhiều hoa quả. Phía Đông thành đó có rừng trúc lớn và ngôi chùa cổ, là nơi xưa kia Đức Phật khai mở cho chúng Tỷ-khưu mang giày hổ phược. Bên cạnh có ngôi tháp cao hơn trăm thước. Bên cạnh đó lại có ngôi tinh xá có tôn tượng Đức Phật đứng bằng đá xanh, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng. Từ đó theo hướng Nam đi 800 bộ vào trong rừng có ngôi tháp do vua A-dục tạo dựng. Xưa kia khi Đức Phật đến dừng ở nơi đó vì rét lạnh nên dùng cả 3 pháp y đắp chồng lên. Nên lại khai mở đắp mặc áo nạp. Trong rừng có chỗ xưa kia Đức Phật kinh hành. Lại có nơi của 4 Đức Phật tọa thiền, riêng đều dựng lập tháp để nêu chứng tích vậy. Lại có tháp tôn thờ tóc và móng tay, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng.

Từ đó lại theo hướng Đông Bắc đi hơn 900 dặm đến nước Phạt-thích-noa (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều đều thuộc nước Ca-tất-thí. Có vài mươi ngôi chùa, chư Tăng khoảng 300 vị tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có 5 ngôi đền thờ trời, các ngoại đạo bôi tro thân mình. Đất đai xứ đó lắm nhiều núi rừng. Ở phía Nam của thành có ngôi chùa cổ là nơi xưa kia Đức Phật từng đến đó. Bên cạnh ngôi tháp là vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Tập tục tương truyền rằng: “Nước đó về phía Tây tiếp giáp với nước Kê-lượng-na ở trong núi lớn. Lại từ đó theo hướng Tây bắc giẫm trải qua núi lớn cách hơn 2.000 dặm ra cảnh vực Tây Ấn Độ, vào cảnh vực Hồ tục là nước Tào-cử-tra. Lại về phía Đông Bắc cách 1.600 dặm vào ranh giới của nước Ca-tất-thí, mọi hợp với đường phía Bắc và đường giữa. Lược nêu từ xứ Đột Quyết trở về phía Nam trong 3 biển có cả thủy 150 nước, và không nhiếp thuộc Ấn Độ, có 71 nước (tức từ nước Đột Quyết trở về phía Bắc đến tận Bắc hải mà giẫm trải qua không cùng nên không thể ghi chép lại đó vậy).

CHƯƠNG V: DU LÝ

Từ khi phát khởi văn tự, bắt đầu từ Bào Hy, mãi đến thời Tiền Đường trải qua nhiều triều đại có thể ghi chép để nhận biết. Từ thời nhà Tần nhà Chu trở về trước, con người đang là thuần tố, tâm tình quan hệ chẳng xa, nên khiến hỏi thông chỉ ước tại thần châu. Từ thời nhà Hán nhà Ngụy trở về sau, văn tự rộng lưu hành nên mọi sự lắm nhiều phát khởi và rộng thấy càng xa. Nên Tượng tư chuyển tải giúp đường thông cáo ấy lập, giã trải không tọng mà qua côn khâu, vượt quá Khê Điền mà đạp đến Điều Huyệt. Long văn chóng nhanh nhiệm ô huyết tuy tuyệt cảnh vức mà có thể truy tìm, minh châu đã đẹp xinh túy vũ tận chân trời mà có thể nêu. Binh cùng võ phiến thật là lao sư của Đại Uyển, bưng tiết biển bần tin vương mạng mà xa che, kịp đến lúc vua Hiến Tông (Minh Đế - Lưu trang 58-76) thời Đông (Hậu) Hán cảm mộng điềm lành, là khai nguồn mở mang nhân hóa. Mọi người kính tin mến mộ đạo từ đó dần đông. Hoặc có vị bùi ngủi vì sinh sống nơi chốn Biên địa nên gieo mình tìm đến trời Tây. Hoặc có vị thông rành giáo pháp muốn hoàng dương xiển hóa nên giắt sách đến phương Đông. Hoặc có vị đích thân khai mở giáo tích, chẳng đến xa tìm kinh. Hoặc linh tướng khôn phép xưa cũ gân gũi song xem xét rõ. Những vị nêu cử nhiều ấy kết cục quy về Tích Tông. Nên dụng khai mở thân của bao gồm hay riêng biệt, lược bắt đầu từ thời Tiền (Tây) Hán, mãi đến thời Tiền Đường chúng ta đây, trước sau các sứ qua lại gồm có 20 bận. Thả như Trương Phiến tìm cội nguồn dòng nước, ấy chỉ là phạm tục, nhưng bắt đầu nghe được danh xưng của Phật thì dần đượm của Thích Hóa, nên cũng liệt thông mở đầu cầu pháp. Nay đây sưu tìm bao quát từ các truyện ký, nêu rõ ràng các đường kể sứ đi tường tự trước sau để bày rõ chứng cứ vậy.

- Một là: Vào thời Tiền (Tây) Hán, vua Võ Đế (Lưu Triệt 140-86 trước Tây lịch) sai phái Bát vọng hầu Trương Khiên tìm cội nguồn sông Hoàng, từ đường phía Bắc vào Đại uyển rồi đến Đại hạ, thấy gậy cung trúc, vãi bố đất Thục, người dân nước đó gọi là Thân Độc. Thân Độc tức tiếng gọi lầm bậy của Thiên Trúc. Theo Hậu Hán Thư nói: “Nước đó rộng lớn bằng phẳng, khí tiết hài hòa, là nơi các bậc Linh trí giáng hiện, những bậc Hiền ý nổi sinh. Thần tích quái lạ, lý vượt ngoài con người, cảm nghiệm rõ ràng, sự bày ngoài trời đất. Mà Trương Khiên há là người không nghe. Đâu chẳng lẽ đường bí lối, vận nước vài lần mở lối nhỏ hẹp ư?”

- Hai là: Vào thời Hậu (Đông) Hán, năm Vĩnh Bình thứ 03 (60) vua Hiến tông Hiếu Minh Đế (Lưu Trang) ban đêm mộng thấy người

vàng, thân cao lớn hơn cả trượng mang đeo ánh sáng mặt nhật mặt nguyệt bay đi trước điện, vua bèn đem hỏi quần thần. Có Phó Nghị là người thông minh đáp rằng: “Thần nghe ở Tây Vực có vị Thần tên gọi là Phật. Diêm mộng của Bệ hạ chắc hẳn là đó vậy”. vua mới sai Lang Trung Thái Hâm, Bác sĩ Trần Cảnh v.v... từ núi Tuyết huyện Nam đầu men theo đường vào đến Thiên Trúc, đồ họa hình tượng, tìm hỏi Phật pháp và thỉnh dẫn các Sa-môn Ca-diếp-ma-đăng, Trúc-pháp-lan v.v... trở lại tìm theo đường cũ mà về đến Lạc Dương.

- Ba là: Vào thời Hậu Hán, năm Kiến Nguyên(1) thứ 10 (199) dưới thời vua Hiến Đế (Lưu Hiệp 190-220), Tần Châu Thứ Sử sai Thành Quang Tử từ núi Điều thử vượt qua cầu sắt mà vào, đích thân đến nước Đạt-sán. Đến ngày trở về lại men theo Đường trước mà tự lưu xuất Biệt Truyện.

- Bốn là: Vào thời vua Võ Đế (Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây Tấn, có Sa-môn Trúc Pháp Hộ ở Đôn Hoàng vân du Tây Vực trải qua 36 nước, mang kinh điển tiếng người Hồ men theo đường vừa đi vừa phiên dịch, khi về đến Trường An dựng lập chùa phía ngoài Thanh môn, nhóm chúng Tăng tu tập có hơn ngàn vị. Nên giáo tương rộng lưu bày tại Đông Hạ, Sa-môn Trúc Pháp Hộ rất có công đặc thù. Nên Sa-môn Thích Đạo An nói rằng: “Nếu thân gần được ông ấy (Trúc Pháp Hộ) thì bút hần tự làm cương lĩnh, ấn chánh chí ngôn ấy vậy”.

- Năm là: Đầu niên hiệu Long An (397) thời Đông Tấn, Sa-môn Thích Bảo Vân ở Lương Châu, cùng các Sa-môn Thích Pháp Hiển, Thích Trí Nghiêm v.v... trước sau lần lượt cùng vào Thiên Trúc, mà Sa-môn Bảo Vân trải qua các nước Đại Hạ, thông hiểu các thứ âm nghĩa. Sau, trở về lại Trường An rồi đến Giang Biểu, phiên dịch các kinh, tức nay hiện đang lưu bố hưng thạch không gì chẳng lưu xuất từ Sa-môn Bảo Vân. Song, Sa-môn Bảo Vân mến thích cảnh nhàn tĩnh, trọn đời ở tại núi Lục hợp, mà sự kiện vân du Tây Vực có lưu truyền.

- Sáu là: Trong khoảng niên hiệu Hoàng Thỉ (?) thời Hậu Tần Diêu Hưng tương đương thuộc dưới thời Đông Tấn, tại kinh Triệu có Sa-môn Thích Trí Mãnh cùng đồng bạn cả thảy 15 người, từ Lương Châu vân du đến Tây Vực trải qua các nước Thiện Thiện rồi đến nước Kế Tân, thấy gặp được 500 vị A-la-hán hỏi bày phương tục, trải qua 20 năm, đến năm Giáp tý (424) mới cùng một người bạn trở về lại phương Đông, về đến Lương Châu vào đất Thục và đến cuối niên hiệu Nguyên Gia (454) thời Tiền Tống mới về đến thành đô, sự kiện vân du Tây Vực có truyện, nêu bày chứng cứ rất rõ ràng, với tựa đề là “Sa-môn Trí

Mãnh du hành ngoại Quốc truyện”. Từng thấy tại Thục Châu vậy.

- Bảy là: Cuối niên hiệu Kiến Hưng thời Hậu Yên, Sa-môn Thích Đàm Mãnh theo đường Đại Tần vào đến thành Vương xá. Mãi tới ngày trở về thì theo đường Đá Lịch mà về đến Đông Hạ.

- Tám là: Năm Hoàng thổ thứ 2 (399) thời Hậu Tần, Sa-môn Thích Pháp Hiển cùng các bạn đồng học như Sa-môn Tuệ Cảnh v.v... phát xuất từ Trường An trải qua đường nước Vu Điền, vân du trên 30 nước. Chỉ riêng một mình Sa-môn Pháp Hiển đi đến nước Sư Tử thuộc Nam Hải, rồi mới theo thuyền biển thỉnh mang kinh tượng về đến Lao Sơn; Thanh Châu, lên đất Tấn, sang Dương Châu, Kinh Châu v.v... phiên dịch các bộ kinh, quá trình vân du có truyện ghi để lại.

- Chín là: trong khoảng niên hiệu Chu sơ, tại Lương Châu có Sa-môn Trí Nghiêm vân du đến Tây Vực, đến nước Kế Tân để thọ học Thiên pháp rồi trở về lại Trường An theo hướng Nam đến Dương Châu, Tống Đô, phiên dịch các kinh. Nhưng vì đối với sự thọ giới, có điều nghi ngờ nên lại sang Thiên Trúc, gặp được vị La-hán, bèn hỏi, nhưng vị La-hán ấy không thể tự quyết xét bèn vì lên cung trời hỏi Bồ-tát Di Lặc rồi trở lại mách bảo cho về sự đắc giới. Từ đó, Ngài trở về đến nước Kế Tân thì thị tịch, sai bảo các đệ tử như Sa-môn Trí Vũ v.v... báo nêu chứng từ Tây Vực trở về.

- Mười là: Năm Vĩnh Sơ thứ 6 (1) thời Tiền Tống, tại Hoàng Long có Sa-môn Thích Pháp đồng là người có chí khí oai hùng cao xa, nghĩ suy mẫn mộ Thánh tích, bèn vời gọi các đồng bạn, như Sa-môn Tăng Mãnh, Đàm Lãng v.v... cả thảy 25 vị, phát xuất từ Ung Châu theo hướng Tây vào núi Tuyết, vượt trải qua cầu dây, trạm móc, vượt vách đá, đến lúc xuống đất bằng thì đã có 12 vị qua đời. Các đồng bạn còn lại cùng dẫn nhau đến nước Kế Tân, rồi theo hướng Nam giẫm trải khắp các xứ Ấn Độ. Sau đó, theo thuyết biển về đến Quảng Châu. Quá trình du hành có truyện ghi chép lưu để lại.

- Mười một là: Trong khoảng niên hiệu Nguyên Gia (424-454) thời Tiền Tống, tại Lương Châu có Sa-môn Thích Đạo Thái vân du các nước Tây Vực lâu thỉnh được luận Đại Tỳ-bà-sa rồi trở về đến Lương Châu, dòng tộc trở cừ nhóm tập chúng Tăng phiên dịch và lưu truyền.

- Mười hai là: Trong khoảng niên hiệu Nguyên Gia (424-454) thời Tiền Tống, tại Ký Châu có Sa-môn Thích Tuệ Duệ vân du đến biên giới phía Tây nước thục đến Nam Thiên Trúc, thấu hiểu các thứ phương tục âm nghĩa, trở về lại Lô Sơn, lại vào Quang Trung và trở về Giang Nam.

- Mười ba là: Khoảng cuối niên hiệu Thái Võ(1) thời Hậu (Bắc) Ngụy, có Sa-môn Thích Đạo Dực theo đường của nước Sơ Lặc vào kinh huyện vượt đến nước Tăng-già-thi. Đến lúc trở về, tìm theo đường cũ, có trước thuật truyện 1 quyển.

- Mười bốn là: Trong thời Tiền Tống (420-479), có Sa-môn Đạo Phổ; người nước cao xương vân du đến Đại Hạ, chiêm bái 4 ngôi tháp, Đạo Thọ và các Linh Tích, riêng có ghi thuật bộ truyện lớn. Lại còn có Sa-môn Thích Pháp Thanh cũng người nước Cao Xương vân du sang nước Phật, có trước thuật truyện 4 quyển.

- Mười lăm là: Năm Thần Quy thứ nhất (519) thời Hậu (Bắc) Ngụy, có Tống Vân; người xứ Đôn Hoàng cùng Sa-môn Đạo Sinh v.v... theo đường cầu sắt bên cạnh núi Xích Lãnh đến chỗ tháp Tước Ly ở nước Càn-đà-vệ, đến lúc trở về, lại men tìm đường cũ.

- Mười sáu là: Trong thời Tiền Đường, Sa-môn Huyền Trang ở chùa Đại trang nghiêm tại kinh đô, vào năm Trinh Quán thứ 3 (629), một mình một bóng vân du Tây Vực tìm cầu giáo tích. Mới đầu từ kinh ấp theo hướng Tây đến Sa Châu, riêng giãm trải hiểm nguy, qua các bờ ải, đến xứ Cao Xương, đã nhận chịu đủ thứ nguy khốn. Bấy giờ vua nước Cao Xương là Khúc Thị vì ban cấp mọi vật, truyền đưa đến các Nha sở của Đột Quyết, iệp Hộ. Ở kia lại dẫn đưa đến núi Tuyết rồi theo hướng Bắc đến các nước Phiên, Hồ, chiêm ngưỡng trông xem khắp các nơi xưa kia Đức Phật từng đến giáo hóa. Lại theo hướng Đông nam ra khỏi núi Tuyết lớn đi đến các nước Ấn Độ, trải suốt 10 năm. Sau đó, từ phía Nam Thông Lãnh, thuộc phía Bắc núi Tuyết giãm trải qua các núi nước mà trở về phương Đông, trải qua các nước Vu Điền, Lũ Lan v.v... cả thảy có 150 nước. Đến năm Trinh Quán thứ 19 (645) mới về đến kinh đô, vâng phụng sắc chiếu phiên dịch các kinh. Có trước thuật bộ “Tây Vực truyện” 12 quyển.

Tôi (Đạo Tuyên) qua quá trình tìm xem các bộ Tăng truyện và rộng xét mọi thấy nghe, chư vị tiền bối vân du đến đất Phật đầy đủ như trên vậy. Những những điểm trông thấy trong các truyện ký có lúc nêu bày ẩn hiện, do đó chỉ lấy điểm sáng tỏ mới làm giếng mối tiếp nối đó. Đến như các Sa-môn Pháp Duy, Pháp Biểu tuy có nêu danh mà không ghi chép, tính lường đó thật khó biên tập vậy. Lại nữa, những vị qua lại ở thời nhà Tùy và dưới thời Tiền Đường đây đều luôn tiếp nối du lịch, đầy đủ trình tự du tố. Với hạng ấy thì sao có thể đầy đủ cụ thể ư?!

CHƯƠNG VI: THÔNG CỤC

Lợi kiến của Đức Pháp Vương chưa phân cách trung biên (chính giữa và các khía cạnh), thích hợp giáo hóa thì không phân phương hướng, đâu chỉ chuyên nơi Hình giáo. Đến như mọi người nghe đồng một pháp mà nhận hiểu khác nhau. Nói chỉ là một mà sự tỏ ngộ lại khác biệt. Nên đối với hàng Tăng vị Địa mà đi lên, hàng buộc bít mê mà giáng xuống. Tướng của toàn thân hay toái thân, nghĩa của tháp tụ hay tháp tán. Đuốc thân sáng thì tà kế gãy đổ. Linh tích nổi trội thì tin sâu kết chặt, các hạng như thế thật là đông nhiều, đầy đủ như nêu bày ở chương trước. Từ khi dòng nước giáo pháp xuôi chảy đến phương Đông, ánh Đạo soi chiếu ở trời Tây. Tiếng tăm vang hừng thạnh bay vượt thật đến Đông Xuyên. vua A-dục tạo dựng tháp tiêu biểu, bắt đầu mở lớn khắp cùng. Hình ảnh thích phụ tỏa ngời kiêu Hán. Từ đó, trải qua các thời đại tiếp tục càng lớn nhiều. Cảnh chẳng chỉ riêng trời Tây xiển dương thần hóa. Nên trong kinh nói: “Về sau, chánh pháp lan tỏa cùng khắp trước tiên là đến phương Bắc, tiếp theo đến Đông nam rồi đến Trung Hoa mới diệt”. Tại phía Nam nước Chấn Đán đây trông nhìn về Hoa Tư, nên dung nghi Đức Phật lúc diệt độ xoay thân nghiêng đầu về hướng Bắc, tức là sự kiện ấy vậy. Do đó, ý cứ theo sách biên theo thứ lớp, lấy làm chương “Thông cục” vậy.

Căn cứ theo “Chu thư dị ký” thì vua Chiêu Vương (Cơ Hạ) ở ngôi vua 24 năm (1000-976 trước Tây lịch). Vào ngày mồng 08 tháng 04 năm Giáp Dần, khắp các sông hồ ao suối bỗng nhiên nước dâng tràn, nước giếng cũng tuôn tràn ra, núi sông chấn động. Có ánh sáng 5 sắc soi suốt vào Thái Vi, khắp phương Tây đều có sắc màu xanh hồng. Quan Thái sử Tô Do nói rằng: “Có bậc Đại Thánh nhân xã hội ở phương Tây. Qua 1.000 năm sau, Thánh giáo sẽ lan tỏa đến xứ này”. Vua Chiêu Vương liền ban sắc khắc ghi vào đá và đem chôn trước đền thờ trời ở Nam giao. Đó tức là thời gian của Đức Phật xuất hiện nơi đời vậy.

Đến lúc vua Mục Vương (Cơ Mãn) ở ngôi vua 32 năm (976-921 trước Tây lịch) thời Tây chu, qua vài lần thấy ở phương Tây có hơi khí sáng, trước kia quan Thái sử Tô Do đã nói Thánh nhân ra đời. Liền cùng Tướng quốc Lã Hầu cưỡi ngựa Hoa Lữ đi đến phương Tây, tìm cầu Phật nhân vì để cúng tế nó. Đến lúc vua Mục Vương 53 tuổi vào ngày 15 tháng 2 năm Nhâm thân, đang lúc sáng sớm bình thản bỗng nhiên gió bão nổi dậy phá hoại sụp đổ nhà cửa, cây cối ngã gãy, trái đất rung động, bầu trời sấm tối. Ở phương Tây có 12 vàng cầu vòng sắc trắng. Quan Thái sử Hồ Đa nói rằng: “Ở phương Tây, bậc Đại Thánh nhân

diệt độ vậy”. Đó tức là tướng Niết-bàn. Có thuyết nói là Đức Phật ra đời dưới thời Chu Trang, Lỗ Trang, nay chỉ lấy văn của phần nhiều để ghi chép vậy.

Theo “Sử Lục” nói rằng: “Thượng Thái Tổ Hy hỏi Khổng Tử rằng: “Ai là Thánh nhân?” Khổng Tử đáp: “Ở Tây phương có người đứng là bậc Thánh, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không chuyển hóa mà tự thực hành, thiên thang thay khắp muôn dân không tên gì đáng để tôn xưng đó vậy!”. Lại theo “Tây tạng kinh” của Lão Tử nói: “Thầy ta giáo hóa vân du đến Thiên Trúc, khéo vào Niết-bàn”.

Lại, trong khoảng niên hiệu Nguyên Thú (122-116 trước Tây lịch) thời Tiền (Tây) Hán, vua Võ Đế (Lưu Triệt) muốn chóng dứt trừ bệnh đánh dẹp hung nô, đến Cao Lan vượt qua núi Cư Diên, đánh bắt được vua Côn-da-hưu-xà v.v... lại bắt được người vàng thân cao hơn cả trượng đưa về liệt bày ở cung Cam tuyền, vua cho đó là bậc Đại thần nên đốt hương lễ bái. Kịp đến lúc, từ Tây Vực sai sứ Trương Khiên trở về Đại Hạ nói là có nước Thân Độc. Nước Thân độc là một tên gọi của nước Thiên Trúc, mới nghe giáo pháp của Phù Đồ (Phật-đà). Đó tức là Hình giáo tướng của Phật dần hiển bày vậy.

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Thọ (02-01 trước Tây lịch) lười thời vua Ai Đế (Lưu Hân - thời Tây Hán) sai Cảnh Hiến sang nước Đại Nguyệt Chi, nhân tụng kinh giáo Phù Đồ rồi trở về đất Hán. Đang lúc có phân thực hành trai giới Phù Đồ. Và dưới thời vua Thành Đế (Lưu ngao 32-06 trước Tây lịch) thời Tây Hán, Đô Thủy sứ giả Quan Lục đại phu Lưu Hưởng tương truyền rằng: “Từ trước, tôi rộng đọc xem các sách sử thường luôn thấy có kinh Phật”. Kịp đến lúc trước thuật “Liệt tiên truyện” lại nói rằng: “Tôi xét xem kho sách, Thái sử bắt đầu loạn liệt tiên đồ. Từ thời Hoàng đế mãi đến ngày nay, hẳn định kiểm xét thật lục gồm có 146 vị, trong đó có 74 vị đã thấy kinh Phật”. Căn cứ vào đó thì rõ từ thời nhà Tần nhà Chu trở về trước sớm đã có Phật pháp lưu truyền đến xứ Chấn Đán. Do đâu mà biết vậy? Nay thì căn cứ theo chỗ nêu bày.

Nên trong Phật truyện nói là: Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn 116 năm, tại nước Đông Thiên Trúc (Ấn Độ) có vị Thiết luân vương thống nhiếp châu Diêm Phù Đề, thấu gom linh cốt của Đức Phật và sai sứ quý thân, cứ nơi có 1 ức người thì dựng lập một ngôi tháp, và khắp trong 4 biển xây dựng tất cả 84.000 ngôi tháp. Nên khắp xứ của 9 châu đây đều có Di tháp, đó là do vua A-dục tạo dựng vậy. Và bấy giờ là tương đương với thời vua Lệ Vương (Cơ Hồ 857-841 trước Tây lịch) thời Tây Chu.

Nên tháp Phật tạo dựng khắp cùng thế gian đã trải qua hơn 20 đời vua. Mãi đến năm Thỉ Hoàng (Doanh chính 246-209 trước Tây lịch) 34 tuổi thiêu đốt sách sử. Các tháp do vua A-dục tạo dựng do đó mà dần mất tiêu. Kinh Phật lưu truyền nơi đời chẳng biết tại đâu. Lại theo kinh lục của Sa-môn Thích Đạo An, Chu Sĩ Hành v.v... tự nói là: “Dưới thời Thỉ Hoàng, có các Sa-môn người ngoại quốc như Thích Lợi Phòng v.v... cả thảy 18 vị Hiền giả mang kinh Phật đến giáo hóa Thỉ Hoàng, nhưng Thỉ Hoàng chẳng chịu theo, bèn bắt giam vào cấm tù, đem đến có 6 người cầm chày Kim cang đến phá cửa ngục dẫn đưa ra. Thỉ Hoàng vô cùng kinh sợ nên cúi đầu sám tạ đó”. Y cứ vào đây mà nói thì biết rõ từ thời nhà Tần nhà Hán trở về trước đã có Phật pháp. Sau này, Sa-môn Thích Đạo An ghi nêu 12 vị Hiền giả cũng tại trong số 70 vị trước đó. Nay thấy trong “Liệt tiên truyện” có 72 vị.

Căn cứ theo “Văn-thù Nê-hoàn kinh” nói: Sau khi Đức Phật diệt độ 450 năm. Bồ-tát Văn-thù đến trong núi Tuyết vì 500 tiên nhân mà giảng nói pháp”. Lại căn cứ theo “Địa lý chí”, “Tây Vực truyện” nói: “Núi Tuyết tức là Thông Lãnh vậy”, phía dưới có 36 nước, từ trước trở lại kính phụng theo nhà Hán. Thông Lãnh ấy xoay quanh từ phía Đông đến Chung Nam. Chỗ Bồ-tát Văn-thù giáo hóa Tiên nhân tức là địa vực ấy vậy. Rõ ràng mà nghiệm xét thì điểm luận bàn của Lưu Hưởng có thể đáng làm chứng cứ vậy.

Theo “Hậu Hán Giao Kỳ chí” nói rằng: “Phật, tiếng Hán (Trung Hoa) phiên dịch nghĩa là “Giác”, rồi mới giác ngộ cho quần sinh. Tổng quát thì, đứng về giáo tức lấy tu thiện từ tâm làm chủ, không giết hại các sinh loại, chỉ chuyên việc thanh tịnh. Đứng về mặt Tinh là Sa-môn, tiếng Hán (Trung Hoa) phiên dịch nghĩa là “Tức Tâm”, tức cạo bỏ râu tóc, hủy hoại dung nghi, xả bỏ gia đình vượt ra thế tục, dứt tình tấy dục mà quy hướng về vô vi. Lại là, con người khi chết, tinh thần chẳng mất, tùy đó trở lại nhận thọ thân hình. Mọi hành vi thiện ác đến đời sau đều có báo ứng. Điểm quý trọng là thực hành việc thiện tu Đạo để luyện tinh thần mình, luyện mà không thôi, cho đến chứng đạt vô sinh mà thành tựu Phật quả, thân hình cao lớn 1 trượng 6 thước, sắc màu vàng ròng, trên cổ mang đeo ánh sáng mặt nhật mặt nguyệt. Biến hóa vô thường, không đâu chẳng vào, nên hay biến thông muôn vật, cứu tế khắp quần sinh, kinh sách có hơn ngàn quyển. Lấy hư vô làm tông, bao gồm tinh thô không gì chẳng gồm cả. Khéo vì mở thoáng lời thẳng lớn, chỗ mong cầu tại trong một thể, điểm tỏ sáng ở ngoài thấy nghe, kết quy về Huyền vi suy xét khó được mà thấp kém. Nên các bậc vương công

đại nhân quán xem ngần mé của sinh tử báo ứng, không ai chẳng khiếp sợ mà tự mất. (Ngoài ra còn lại đều như Hán Pháp bản nội truyện).

Lại theo “Ngụy thư” nói là: “Thái Hâm thỉnh cầu được kinh Phật 42 chương và tôn tượng Đức Phật Thích-ca đứng. Vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán sai bảo người khéo giỏi ghi chép đồ tả tôn trí tại Đài Thanh Lương, kịp đến lúc Hiến Tiết Lăng dâng trình kinh văn, đều tôn trí trong thạch thất tại Lan Đài. Sự trở về của Thái Hâm là mang kinh từ Bạch Mã đến đất Hán, nhân đó mà dựng tạo chùa Bạch Mã tại phía Tây Ung môn Lạc Dương. Ý chỉ của kinh ấy đại lược mà nói thì tất cả các loài hàm sinh đều nhân hạnh nghiệp mà khởi. Có ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, với thứ lớp tu đạo cấp bậc tâm hành v.v... chẳng phải một đều men duyên từ cạn đến sâu. Mượn nhỏ nhiệm để lấy làm trước, dẫn hiện tại tích chứa nhân thuận, dứt trừ ham thích dục lạc, tập hành rộng rang vắng lặng mà thành soi sáng cùng khắp. Mới đầu tu tâm thì nương tựa theo Phật pháp Tăng thọ trì Tam quy. Pháp Tam Quy tựa như Tam úy của Quân tử. Lại có ngũ giới tức dứt bỏ sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ và uống rượu, đại ý tương đồng như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nghĩa là người phụng trì các giới ấy thì sinh vào cõi trời người ưu thắng, xa lìa các khổ của nạ quỷ, súc sinh. Nói về nơi chốn của Thiện ác thì có 6 đường. Người sống hiện tại, nghiêm phòng giữ tâm, thân miệng chân chánh, gồm tất cả thì gọi là Thập (10) thiện pháp, người có khả năng gìn giữ đầy đủ như thế thì gần tức được quả báo ở cõi trời, xa thì thành đạt Đạo quả Bồ-đề.

Xưa kia, vào đêm mồng 08 tháng 04, Đức Phật từ hông phía hữu của mẹ mà sinh ra, nổi bày 32 tướng tốt khác người, đến sau khi đã qua đời (nhập Niết-bàn), các hàng đệ tử v.v... dùng các thứ gỗ hương thơm thiêu đốt nhục thân, linh cốt phân nát, lớn nhỏ tựa như hạt thóc, sắc màu hồng trắng, đánh đập chẳng vỡ bể, thiêu đốt không cháy tiêu, thường có tỏa phóng ánh sáng thần nghiệm. Mọi về sau, vua A-dục dùng sức thần phân chia xá-lợi của Đức Phật, sai sử các quỷ thần tạo dựng 84.000 ngôi tháp báu. Nay tại các xứ Lạc Dương, Bành Thành, Phù Phong, Thục Châu, Cô Tàng, Lâm Truy v.v... đều có tháp ấy và đều có thần dị”.

Theo “Ngô thư” nói rằng: “Năm Xích Ô thứ 4 (241) thời Đông Hán, có Sa-môn Khương Tăng Hội; người nước Khương Cư du hành hóa đạo, mới đầu đến đất nhà Ngô, dựng lập am tranh, thiết bày tôn tượng hành đạo, dân chúng nước Ngô thấy vậy cho là yêu dị, Quan Hữu Ty tấu trình. Bấy giờ, Ngô chủ là Tôn Quyền hỏi rằng: “Phật có Linh

nghiệm gì ư?”. Khương Tăng Hội đáp: “Đức Phật ẩn mất linh tích đã hơn ngàn năm, nhưng di cốt xá-lợi ứng hiện không ngừng”. Tôn Quyền bảo. Nếu như cầu được xá-lợi thì sẽ tạo dựng tháp phụng thờ”. Trải qua 21 ngày mong cầu bèn cảm có xá-lợi 5 sắc ngời sáng, phân bổ đó lại càng cứng rắn, thiêu đốt thì không cháy mà tỏa phóng ánh sáng vượt ra ngoài lửa làm thành hoa sen lớn chiếu soi khắp cùng cung điện, Tôn Quyền kinh lạ tán thán, phát khởi tín tâm, vì đó mà tạo dựng chùa Kiến Sơ, độ người xuất gia. Tôn Quyền hỏi: Thượng thư lệnh Đô Hương hầu Hám Trạch rằng: “Từ thời vua Minh Đế (Lưu Trang (58-76 - Đông Hán) đến đây nay bao nhiêu năm, Phật giáo lưu nhập vào đất Hán đã lâu, mới đâu bởi duyên gì mà đến Giang Đông?”. Hám Trạch đáp rằng: “Từ năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) đến nay là năm Xích Ô thứ 4 (241) cả thấy có được 170 năm. Nhưng vào năm Vĩnh Bình thứ 14 (71), các Đạo sĩ ở Ngũ Nhạc cùng Ca-diếp-ma-đăng lúc tranh độ sức, Đạo sĩ chẳng sánh bằng, nên Trử Thiện Tín, Phí Thúc Tài v.v... ở Nam Nhạc ngay tại hội tự cảm mà chết, môn đồ con em đưa về an táng tại Nam Nhạc, chẳng ai dự phần xuất gia nên không có người lưu bố. Về sau lại gặp nạn nhà Hán ta chinh chiến lẫn lược giặc dã không ngưng dứt, mãi đến nay đã trải qua nhiều năm mới được phục hưng hành hóa”. Tôn Quyền lại hỏi: “Khổng Khâu, Lão Tử có được sánh đối bằng Đức Phật chăng?”. Hám Trạch đáp rằng: “Thần tìm xét, Khổng Khâu; người nước Lỗ là bậc anh tài trội vượt tuần tú, Thánh đức chẳng ai bằng, nên người tôn xưng là Tổ Vương, chế tác kinh điển, dạy răn giúp đỡ chu đạo, giáo hóa hậu lai, phong thái của bậc thầy Nho đượm nhuần xưa nay, cũng có những vị trội vượt hơn quá người thường như Hứa Thành Tử, Nguyên Dương Tử, Trang Tử, Lão Tử v.v... sách của Bách Gia Tử đều là tu thân tự vui, phóng thích chốn núi hang, buông lớn tâm ấy, học thì kết quy về đàm bạc, sự trái với chi tiết nhân luân lớn bé, cũng chẳng phải là mỹ phong an trị ở đời dạy răn dân chúng. Đến như vua Cảnh Đế (Lưu Khải 155-140 trước Tây lịch) thời Tây Hán lấy Hoàng tử, Lão Tử nghĩa thể rất sâu, cải đổi tử làm kinh mở đầu lập môn Đạo học, ban sắc từ triều đình đến thôn giả, mọi người thấy đều phải đọc tụng kinh nếu đem sự sâu xa của hai nhà Khổng Tử và Lão Tử sánh với sự sâu xa của Phật pháp thì là rất xa vậy. Tại sao? Lão Tử thiết lập giáo, phép tắc tại trời chế định, chẳng dám trái với trời, còn chư Phật thiết lập giáo, pháp trời phụng hành không dám trái với Phật. Lấy đó để nói thì thật chẳng thể đối sánh rõ ràng vậy”. Tôn Quyền rất vui mừng. Lấy Hám Trạch làm Thái tử thái phó. Theo Ngụy thư nói rằng: “vua Minh Đế (?) từng muốn phá

hoại Phù Đồ ở phía Tây cung, có vị Sa-môn; người ngoại quốc mới dùng chiếc mâm bằng vàng đựng đầy nước đặt ở trước điện rồi đem xá-lợi ném vào trong nước, bỗng nhiên có ánh sáng 5 sắc tỏa phát ra, vua càng thêm kinh lạ tán thán, mới đến phía Đông đường đi tạo dựng Phù đồ lớn trăm gian và lấy đó làm tinh xá”. Đến lúc Ngô Hậu chúa là Tôn Hạo cải ngược chính sách, phế bỏ dâm từ, chùa Phật lần lượt cũng đồng bị phá dẹp. Hạn định cùng các Thần thiên rằng: “Khương Tăng Hội cảm được điềm lành, Thái hoàng (Tôn Quyền) tạo dựng chùa, như toại hủy phá, sợ để lại hối hận về sau”. Và đào bới đất trong hậu cung có được tôn tượng bằng vàng, Tôn Hạo bèn đem làm điều dơ bẩn đó, bèn cảm nơi chỗ kín rất đau nhói, tiếng kêu than khó nhẫn chịu. Thái bốt bảo là: “Bởi do trái phạm thần lớn nên vậy”. Từ đó, đi cầu đảo khắp các danh sơn, sông lớn, không đâu chẳng đến, mà sự thống khổ càng tăng thêm nhiều. Có người đến xin thỉnh cầu Phật. Tôn Hạo bảo: “Phật là Thần lớn ư? Thử có thể nên cầu xin đó”. Vừa chỉ một lần cầu thỉnh bèn lành, mới đưa xe ngựa đến nghinh thỉnh, Sa-môn Khương Tăng Hội vì trình bày cho biết mọi sự báo ứng, Tôn Hạo thấy bản nghiệp có cả thấy 120 điều nguyện đều vì chúng sinh, nên càng dốc lòng kính trọng, bèn đến chỗ Sa-môn Khương Tăng Hội, theo thọ trì ngũ giới”. Chuẩn cứ vào sự đào bới đất mà có được tôn tượng đây thì rõ biết từ thời nhà Tần nhà Chu đã có Phật giáo thật rất xác nghiệm vậy.

Vào năm Kiến Hưng thứ nhất (313) thời vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp) thời Tây Tấn, có 2 tôn tượng bằng đá trôi nổi bỗng bênh trên sông Ngô tòng. Các ngư dân nghi đó là Thần biển nên mới thỉnh thầy đồng cốt chú nguyện để nghinh thỉnh, sóng gió trên sông trở nên nổi mạnh. Những người kính thờ Hoàng Lão cho đó là Thiên sư, lại sang nghinh thỉnh, sóng gió cũng nổi dậy như trước. Có cư sĩ Chu Ứng; người ở Ngô huyện vốn có tâm chí thành kính tin Phật cùng với Bạch Ni ở chùa Đông Linh và vài người kính tin đến cửa sông Hổ độc để nghinh thỉnh đó. Sóng gió tự nhiên vắng lặng. Từ xa trông thấy 2 người đến, mới là tôn tượng đá đứng cao 7 thước, bưng đi trong sóng lên thiết đặt tại chùa Thông Huyền, có khắc minh trên lưng tôn tượng, một tên là “Duy vệ; và một tên là Ca-diếp”, chẳng lường biết vào đời vua nào mà dấu vết chữ in rõ ràng.

Ngày mồng 08 tháng 02 năm Ninh Khương thứ 3 (375) thời vua Hiếu Võ Đế (Tư Mã Xương Minh) Đông Tấn, Sa-môn Thích Đạo An là bậc đức lớn sáng ngời, vang danh khắp xứ, ở phía Tây thành quách tương đương chú đúc tôn tượng Đức Phật Vô Lượng Thọ cao tượng sáu,

đến tháng 09 năm sau (276) mới nghiêm sức hoàn thành. Tôn giả ấy mới theo hướng Tây lên đến vạn sơn. Bấy giờ khắp xóm làng mọi người đều kinh sợ tán thán nghinh thỉnh trở về lại chùa cũ. Và trong đêm đó, tôn tượng lại ra đứng ngoài cửa chùa. Quan thứ sử Hy Khôi mới cải đổi tên là chùa Kim Tượng (chùa tượng vàng). Đến năm Phổ Thông thứ 3 (522) thời Nam Lương, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) đến vườn Kiến Hưng chú đúc tòa họa bằng vàng đồng để tượng ngôi kiết già cao 6 thước, rộng 1 trượng, ban sắc Lưu Hiếu Nghi làm văn dựng lập bia tóm thán đức hạnh. Mãi đến thời Võ Đế (Võ văn cung) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, năm Kiến Đức thứ 3 (574), có Thái nguyên công Vương Khương làm Kinh châu thứ sử cùng Phó tướng Trường Tôn Triết vốn không tin Phật pháp trước đã muốn phá hoại tôn tượng đó, bèn sai bảo hơn trăm người dùng dây buộc vào cổ tượng để kéo mạ tượng y nhiên không lay động. Trường tôn triết cho là không dụng sức, bèn nắm gậy ra hiệu lệnh để lôi kéo, nhưng tượng vẫn như cũ; không lay động, nên lại tăng thêm số 300 người, cho đến 500 người lôi kéo mới nghiêng đổ, tiếng vang động cả đất trời, liền khiến những người phá hoại đó cất tiếng tự vui mừng, mới vội cưỡi ngựa muốn về báo cùng Quan thứ sử, vừa mới đi được khoảng trăm bộ, bỗng nhiên ngã té nơi đất mất tiếng trợn mắt, sau đó bèn chết. Các hàng Đạo tục cất tiếng mừng vui. Đang lúc phá hủy tượng, ở dưới nách ngã rũ trong tay áo tôn tượng có khắc ghi bài minh rằng: “Năm Thái Nguyên thứ 19 (394) thời Đông Tấn, tức năm Giáp Ngọ, Tỳ-khưu Thích Đạo An ở thành quách phía Tây Tương Dương tu tạo một tôn tượng bằng vàng cao trượng tám. Tôn tượng này trải qua 3 giáp đến năm Giáp ngọ (574) tức 180 năm tròn sẽ bị phá hủy”. Tính xét về năm tháng hẳn là phù hợp vậy. Nên tin biết tay Ấn Thánh nhân thật không hư dối đó vậy. Nhưng đem sự mà suy xét thì năm Thái Nguyên thứ 3 (378) thời Đông Tấn tấu tức năm Mậu dần, tức tương đương với năm Kiến Nguyên thứ 15 của Phù Kiên (nhà Tần), Sa-môn Thích Đạo An cùng Chu Tự Tập úc bị bắt tại đất Tần. Đến năm Thái Nguyên thứ 10 (385) thì Sa-môn Đạo An thị tịch tại Quan ải. Sau khi thị tịch 10 năm mới đến năm Giáp Ngọ (394). Một lần xem lược qua về niên kỷ thì có sự sâ mê sai, dự thấy chưa hẳn vậy, trải qua 3 lần năm Giáp ngọ, tức lấy số cùng cực của vạn lớn, lại hiển bày thông Thánh của Tay ấn vậy.

Trong khoảng niên hiệu Thái Nguyên (376-397) thời Đông Tấn, có Sa-môn Thích Đàm Dực đến Kinh Châu tạo dựng chùa Trường Sa, đến lúc chùa hoàn thành mà chưa có tôn tượng Phật, Sa-môn Đàm Dực bảo rằng: “Di tích của Đức đại thành khắp cùng cả Diêm-phù-đề, há ta

không có cảm mà chẳng giáng ứng ư?”, bèn khiết trai kính ngưỡng cầu mong. Đến đêm mồng 08 tháng 02, thấy ở phía Bắc thành có hình nghi rất nghiêm túc cao 7 thước tỏa phóng tướng ánh sáng soi chiếu lên trời, các nơi đến nghinh thỉnh mới đầu chẳng thể giắt nổi. Sa-môn Đàm Dục bảo: “Há chẳng phải cảm thông giáng hiện đến chùa Trường Sa của chúng ta ư?”. Bèn cùng 3 người bưng thỉnh, bỗng nhiên nhẹ nhàng nâng nghinh vào chùa. Trước kia, qua đêm có người cho là quái lạ nên dùng dao rạch vào tôn tượng, tự nhiên có tiếng kêu vàng, trông xem lại thì đó là tôn tượng bằng vàng. Chỗ dao rạch trên ngực đường vẫn nổi hiện ra ngoài. Về sau có vị Sa-môn người nước Kế Tân bảo: “Đó là tôn tượng của vua A-dục tu tạo, trên ánh sáng có chữ rõ ràng”. Bấy giờ mọi người rất kính trọng. vua Võ Đế (tiêu diễn 502-550) thời Nam Lương nghe thế, từng đến xin nghinh thỉnh về Đông Hạ. Tuy dốc hết sức lực mà trọn không đến được. sau đó, với tâm chí thành tịnh trọng cầu thỉnh rất mực ân cần, tôn tượng mới xuống. Thuyền đi cách thành đô khoảng 18 dặm, vua tự ra nghinh đón, men theo đường tỏa phóng ánh sáng không dứt. Các hàng đạo tục tán thán mừng vui. Về sau, tôn trí tại điện Thái cực lại thiết bày cúng dường. Xong rồi nghinh đưa ra cửa Đại thông, vào chùa Đồng Thái, lại thiết lễ cúng dường. Kịp đến lúc chùa bị nạn hỏa hoạn, điện đường đều cháy rụi, chỉ tôn tượng vẫn nghiêm nhiên giữa điện. Về sau lại nghinh thỉnh đưa về chùa cũ ở kinh châu. Ban đêm, tôn tượng ấy ra đi nhiều quanh tháp, dáng hiện điềm linh chẳng chỉ một lần và đến lúc vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch 552-555) thời Nam Lương băng hà, gặp lúc có hung sự, tôn tượng bèn đổ mồ hôi đất. Và gần đây, lúc vua Thái tông (Lý Thế dân 627-650) thời Tiên Đường băng hà, tôn tượng cũng đổ mồ hôi như trước, những điềm ứng hiện như thế rất nhiều.

Trong khoảng niên hiệu Hàm Hòa (326-335) thời Đông Tấn, có Cao Khôi ở huyện Duẫn; Đan Dương thấy bến bờ cầu Trương Hầu có ánh sáng khác lạ, sai bảo người đến tìm xem, bèn gặp được một tôn tượng bằng vàng không có tòa ngồi, liền vận chuyển đến cửa cảng Trường Can, trâu dừng đứng không chịu đi, mới mặc tình theo đó nên nghinh đưa vào chùa Trường can. Sau đó vài năm, có ngư dân Trương Hệ thế ở gần biển đến nơi cửa biển, thấy có tòa hoa sen bằng đồng trôi nổi trên nước, mới dâng biểu tấu trình, vua bèn ban sắc nghinh đưa về, thiết trí tôn tượng, quả nhiên phù hợp. Về sau có 5 vị Sa-môn; người nước Thiên Trúc đến nhà Cao Khôi nói rằng: “Xưa trước tại nước chúng tôi có được tôn tượng do vua A-dục tu tạo, đến lúc Huyện Nghiệp gặp loạn, bèn cất giấu bên bờ sông. Gần đây, cảm mộng tôn tượng bảo là:

“Ta đã ra đến Giang Nam, và Cao Khôi gặp được”. Cao Khôi mới dẫn đưa đến chùa, 5 vị Tăng ấy trông thấy mà rơi lệ, tôn tượng lại vì tỏa phóng ánh sáng soi chiếu khắp trong ngoài. Các vị Tăng ấy bảo: “Tôn tượng này là do người con gái thứ 4 của vua A-dục tu tạo. Văn từ ghi ở tòa hoa ngai”. Nhân đó kiểm xét thật đồng vậy. Lại nói: “Vốn có ánh sáng tròn, tính ứng hẳn sẽ đến”. Về sau, đến năm Hàm An thứ nhất (371) thời Đông Tấn tại Giao Châu, nơi bến đậu của những người lược nhật châu ngọc, có Huân Tông Chi thấy dưới đáy biển có ánh sáng nổi vọt trên nước, bèn tìm được ánh sáng Phật, nên đem sự việc ấy tấu trình. vua Giản Đế (Tư Mã Dục 371-373) mới ban sắc treo nơi lỗ hồng sau lưng tôn tượng, đồng ánh sáng sắc màu không biến đổi. Hơn 40 năm, sông biển các biệt, một mai mới đầy đủ, trăm người nghĩ nhớ tán thán. Từ thời nhà Tấn đến thời nhà Trần trải qua 5 triều đại, các bậc quân vương không ai chẳng thân gần kính lễ. Mỗi lúc gặp phải nạn hạn hán, nghinh thỉnh tôn tượng lên kiệu đưa vào cung, khẩn thiết nguyện cầu, thủy đều có được mưa. Đến trong niên hiệu Trinh Minh (587-589) thời nhà Trần, tôn tượng ấy tự nhiên xoay thân mặt nhìn về hướng Tây, tuy chỉnh sửa lại nhưng vẫn xoay như thế, mọi người bèn đem sự việc ấy tấu trình Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo 583-589) bèn nghinh thỉnh về tôn trí tại điện Thái cực, thiết trai hành đạo, tôn tượng mới rơi mất mũ 7 báu xuống móc nơi tay. Hậu chúa bèn đốt hương phát thệ nguyện rằng: “Nếu như nước nhà có điềm không tốt lành thì nguyện xin hiện lại tượng ấy”. Và đưa mũ ấy đội lại trên đầu tượng. Đến sáng hôm sau cũng lại rơi khỏi như trước, vua tôi thủy đều đổi sắc mặt. Kịp đến lúc nhà Tùy phá diệt nhà Trần. Quan Triều tả để lộ bày mặt buộc vào kinh. vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy biết thế bèn nghinh đưa vào trong cung, thường luôn kính hầu cúng dường. Về sau, vua ban sắc chiếu rằng: “Trẫm tuổi già không thể đứng lâu có thể nên làm tòa. Tôn tượng của vua A-dục nên đưa vào cúng dường chùa hưng Thiện”. Thấy hình tượng nhỏ thiết đặt tại mặt phía Bắc, đến lúc sáng sớm hôm sau mới thấy tại phía Nam, lần lượt bên trong hổ thẹn. Nay thấy tại điện đồ tả rất lớn vậy. (Và trong niên hiệu Nhân Thọ 601-605 thời nhà Tùy dựng lập bảo tháp, hơn 100 châu đều có tỏa phóng ánh sáng tốt lành. Như nói trong cảm ứng truyện).

Năm Thái Diên thứ nhất (435) thời vua Thái Võ Đế (Thác bạt Đào) thuộc thời Nguyên (Bắc) Ngụy, có Sa-môn Lưu Tát Hà gia đình vốn ở Bình Nguyên, Nam Cao; Ly Thạch, nay thuộc Từ Châu. Xưa trước đi đến Hòa quận thuộc Tây Phiên, Lương Châu, đứng ở phía Đông

Bắc ngóng trông về Ngự cốc và xa kính lễ mà nói rằng: “Núi này sẽ có tôn tượng hiển hiện, nếu linh tượng đầy đủ thì trong đời an vui thời vận bình yên, còn như có điểm khuyết thiếu thì đời loạn lạc, dân chúng khổ sở”. Sau đó trải qua 87 năm, đến năm Chánh Quang thứ nhất (520) thời Bắc Ngụy, nhân gió mưa lớn, sấm sét nổ đùng, từ núi hang nổi lên hình tượng, thân cao một trượng tám thước, thân hình tượng tốt đoan nghiêm, chỉ không có phần đầu. Bèn chọn đá thuê thợ đục tạc phần đầu, gắn đặt lên rồi trở lại rơi xuống. Từ đó, triều đình nhà Ngụy lấn lướt loạn lạc, lời nói trước kia Phật có chứng nghiệm vậy. Mãi đến năm thứ nhất của triều đại Bắc Chu (557), mới đầu bình trị Lương Châu, từ thành về phía Đông cách khoảng 7 dặm có 1 khe suối, bỗng nhiên thấy một đầu tượng Phật bằng đá, hình sắc tỏa sáng, bèn đưa sang lắp đặt quả nhiên phù hợp, thần nghi điều khuyết. Hơn 40 năm, thân đầu khác xứ, cách xa nhau hơn 200 dặm, bỗng nhiên một mai tròn đủ. Mọi người đều cảm thán lạ thường. Bấy giờ có ánh đuốc soi chiếu, tiếng chuông vang vọng chẳng ai biết từ đâu có đến. Đến năm Kiến Đức thứ nhất (572) thời Bắc Chu, đầu tôn tượng lại rơi xuống, Đại trưng Tế cùng Tế Vương đích thân sang trông xem, mới bảo xếp đặt lên lại, đến đêm cũng rơi xuống như cũ, trải qua vài mươi lần, lại đưa gắn các phần đầu khác, trọn cũng rơi rớt như thế. Sau đó phá diệt Phật pháp chỉ được 4 năm, khắp bốn phương đều bị tang diệt, tiếp tục lời nói trước ấy lại có ứng nghiệm vậy. Nên phỏng tả tượng trạng ấy rất cuộc hình lượng có sai. Nay làm thành chùa cảm thông vậy. Lưu-tát-hà bèn thị tịch tại Tửu Truyền trong khe nước cách thành 7 dặm về hướng Tây. Di cốt như hạt quỳ, có người gom nhặt xâu bỏ lại đó, như văn bia ở chùa kia nói vậy. Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Tôi (Đạo Tuyên) vân du ngoài ải nên có đến bái yết bản miếu của Lưu-tát-hà tại trong chùa ở Từ Châu. Hình ảnh đoan nghiêm cao vợi, thường ngày có lễ kính lớn, từ các châu Thạch Thất, Từ, Nham, Diên, đan, Tuy, Ngân v.v... đều đồ tả hình sùng kính cúng dường, xưng gọi là Lưu sư Phật vậy.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Bình (534-538) thời Nguyên Ngụy, tại Định châu có mộ sĩ tôn kính Đức tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và tự thêm sự kính lễ. Về sau gặp phải giặc dã kéo lôi, không giằng nổi sự đánh đập khổ đau, nên vọng thừa nhận tội chết. Sắp đến lúc xử chém, mộng thấy có 1 vị Sa-môn bảo tụng kinh “Cứu sinh Quán Thế Âm” 1.000 biến hẳn sẽ được thoát khỏi. Quan Hữu ty cầm nắm dây trói dẫn đến chợ, vừa đi vừa trì tụng, đến lúc hành quyết thì đủ số 1.000 biến. Dao chém tự gãy phân thành 3 đoạn, da thịt không tổn thương.

Ba lần rút dao chém đều gãy như thế, trông xem vào trên cổ của tôn tượng có 3 dấu vết dao, bèn dâng trạng văn tấu trình, quan Thừa tướng Cao Hoan Biểu xin khỏi tội chết. Ban sắc ghi tả kinh ấy rộng lưu truyền nơi đời. Nay xưng gọi đó là kinh “Cao Vương Quán Thế Âm” vậy. Từ thời nhà Tấn, nhà Tống, Lương, Trần, Ngụy, Yên, Tần, Triệu, đất nước phân thành 16 phần, thời gian trải qua 400 năm, những người xưng niệm trị tụng danh hiệu Quán Thế Âm, Địa Tạng, Di Lặc, Di Đà v.v... mà được cứu giúp, không thể ghi chép hết nổi, đã có đầy đủ trong các sách truyện, nên nay đây chẳng ghi đầy đủ.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) tạo dựng chùa Quang Trạch tại Bản Đệ, chủ đúc tôn tượng bằng vàng đồng cao trượng tám, sắp đến sửa khuôn, nghi đồng không đủ, các thợ mới muốn tấu trình để xin, bèn có chiếu ban truyền lãnh 15 xe đồng đưa đến v.v... các thợ vâng phụng sắc đưa đến chùa liền hợp rót, chỉ một lần đúc bên thành mà cảm thấy có phần cao lớn, bèn đo xét lại thì đến 2 trượng 2 thước, các thợ dâng trạng văn tấu trình, vua bèn ban sắc: “Mới đầu chẳng đưa đồng đến, đó là do cảm thông”. Bèn khắc nơi tòa hoa ngồi để làm linh chi. Đến nay vẫn còn vậy.

Đến lúc vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) thời nhà Trần băng hà (560), người con đầu là trần xuyên (tức vua Văn Đế) kế thừa sự nghiệp tạo xe ôn lương, mới lấy các thứ châu ngọc tại điện Trùng vân của vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương để trang sức, đưa hết sức người đã đồng nhiều, khắp bốn phương đều đến chỉ thấy mấy khí bít giảng bao nhiêu quanh điện Phật, ngoài ra chỉ tại phía tả mở sáng, ánh mặt nhật chiếu ngời, phút chốc mưa lớn trút đổ, sấm sét nổ vang, mây khói tràn tỏa ngoài Điện, lửa cháy đỏ rực trong mây, lưu tỏa ánh sáng trùm khắp cao thấp lần lượt theo nhau, và thấy ảnh bóng của điện Trùng Vân, hai tôn tượng bằng vàng bằng bạc, tám bộ thần vương đều cùng trải tòa đồng một lúc vạt bay, khói lửa cặp theo, bỗng nhiên đến xa ẩn mất. Mãi đến sau khi trời tạnh, mọi người khắp cả nước trông thấy đồng đến xét xem nơi chỗ điện cũ ấy chỉ còn những đá tảng mà thôi. Đến hơn một tháng sau, có người từ Đông Châu đến nói rằng: “Ngày ấy thấy điện ảnh tượng nương giữa hư không bay trên biển. Có người trông nhìn ra biển có lúc cũng thấy vậy.

Vào thời nhà Ngụy, tại Lạc Kinh, Hồ Hậu của vua Minh Đế (?) tạo Phù đồ ở chùa Vĩnh Minh cao cách đất ngàn thước, khắp cả một châu Diêm-phù không nơi nào hơn tháp ấy. Về sau vì trời chấn động, sự

duyên lược đồng như trước. Có người ở Đông Hải cũng thấy tướng ấy. Lại cũng dưới thời nhà Ngụy, tại Bắc Đài thường an đặt hang đá, trong vòng 30 dặm liên tiếp lần lượt xếp đặt cao hơn 20 trượng, bên trong có thể dung chứa cả ngàn người. Quanh eo biển của nước Chấn Đán, các núi Thần Châu, thường luôn có các chùa Thánh cảm hiện trông thấy chẳng chỉ một. Vả lại lược thuật vài ba điểm để lấy làm thật lục.

Xưa trước, khoảng đầu niên hiệu Thái Nguyên (376) thời Đông Tấn, tại Đôn Hoàng có Sa-môn Đàm Du là người có chí nghiệp chuyên cầu mạnh mẽ, chỉ thường đi khát thực xong rồi tọa thiền, nhân đi đến núi Thạch Thành ở Huyện Diêm; Cối Kê, có đàn hổ đến vây quanh trước mặt, Đàm Du vì nó mà giảng nói pháp, trong đó có một con hổ ngủ gật, Đàm Du mới dùng gậy như ý gõ đánh vào đầu nó, bỗng nhiên có 10 con rắn vây bọc chung quanh, Đàm Du vẫn như ban đầu không tỏ vẻ kinh sợ. Lại có thần núi xả bỏ vườn nhà mà thí cúng Đàm Du. Về sau, Đàm Du lại sang núi Xích Thành an tọa. Nói ấy cùng núi Thiên Thai, Bảo Bồ, Tứ Minh liên thuộc với nhau. Có các vị phụ lão nói rằng: “Ở núi Thiên Thai có chùa Thánh”. Đàm Du bèn sang kiếm tìm đó. Cầu đá gác qua hang sắc xanh trơn nhẵn, khó thể vượt qua, lại có đá đổ chắn ngang đường, không do đâu để đến được. Về đêm, bèn dừng nghỉ tại đầu cầu, nghe bên kia hành đạo tiếng xướng vọng vang, Đàm Du bèn khiết trai tự cố gắng, bỗng thấy tảng đá nằm ngang mở suốt, nên bèn liền đi tới trước, trông thấy Tinh xá, có vị thần Tăng đốt hương. Sau khi thọ trai bữa trưa xong, bảo Đàm Du rằng: “10 năm sau hãy tự nên đến đây!”

Lại có Sa-môn Thích Viên Thông ở chùa Đại Trang Nghiêm tại Nghiệp Hạ trong thời nhà Tề, cảm có một vị thần Tăng đến nghe giảng trong mùa hạ. Đến sau khi mãn hạ tự tứ xong, giả từ mà nói rằng: “Tại chùa Trúc Lâm muốn mời thỉnh Viên Thông qua chùa”. Viên Thông bèn hỏi cụ thể về đường đi. Qua năm sau liền tìm đến, vừa tới phía Đông Bành Sơn, tức thuộc phía Tây bắc của nghiệp hạ, vị Thần Tăng ấy ra nghinh tiếp, Viên Thông thấy rõ đầy đủ cửa ngõ, phòng nhà đẹp xinh cao thoáng, rừng trúc che phủ trời, trải qua dừng nghỉ một đêm đi quanh cùng khắp, lời ý bàn nói hợp đạo. Viên Thông bèn có ý muốn ở đó, vị Thần tăng ấy mới vì hỏi xin Đại Hòa thượng nhưng không được chấp thuận. Đến lúc trở lại đường cũ ra về, vừa mới đi cách hơn 3 dặm, ngoảnh trông nhìn lại chẳng thấy gì cả. Về sau, Viên Thông lại sang tìm mà chẳng biết xứ ấy tại đâu!

Gần đây, tại Đặng Châu, có Sa-môn Đạo Cần, đến chùa Bắc của

châu, tựa nương núi đứng, muốn tìm hỏi đến chùa tiên, bèn như lời nói mà thấy rõ đủ đầy, bèn rảo bước trông xem khắp cùng, quả thật là chùa đẹp xinh, mọi thứ vật dụng đều đầy đủ, chỉ không thấy người ở. Bước xuống tầng dưới, bỗng chốc liền mất lối trở về, mới ở bên mé đường dựng thất ở để phỏng tìm. Lại có hang Bảo Phước ở núi nơi ranh giới phía Đông của Phần Châu, là núi của chư Tăng ở, thường thấy có các Sa-môn nương giữa không trung mà qua lại.

Lại nữa, tại núi Tam học ở phía Đông Ích Châu thường có các đèn thần từ không trung chiếu sáng, vào những ngày trai lại gấp bội lắm nhiều. Lại nữa, tại hang Hồng Nhai ở phía Nam Lương Châu, nơi Trờ cừ Mông Tôn tạo dựng bia, chùa ấy hiện còn có vị Thánh tăng đắp họa thường hành đạo, có người đến thì bèn ngưng nghỉ, người đi khỏi thì tiếp tục hành Đạo. Nên bên cạnh đó các dấu vết chân khú vào là Đồ chúng của vị ấy, không thể nêu bày nơi đây đầy đủ vậy.

Tôi (Đạo Tuyên) nghe trong “Nhập Đại thừa luận” nói các Tôn giả Tần-đầu-lô, La-hầu-la v.v... cả thấy 16 vị Đại A-la-hán thường trú nơi đời hoàng thông giáo pháp. Lại có 9 ức vị Vô học cũng ở trong châu này, chưa nhập Niết-bàn”. Y cứ theo đó mà bàn rõ thì nay ở trong các núi hay nghe có tiếng khánh, hoặc bỗng nhiên gặp có chùa, đâu chẳng phải đó là trú xứ của các Thánh hiền ư?

Nay ước về các môn thông cục để phân thì: -01 là ước về đời đã qua, -02 là ước về ngay trong Hiền kiếp này và -03 là ước về chỉ trong thời gian của một Đức Phật Thích-ca.

- Ước về đời kiếp đã qua dùng để biện thông các bút tắt, như nêu bày trên, những hành sự trong đời kiếp đã qua, nào như Bồ-tát xả thân về máu đổ vẫn hiện còn, Thái tử Tu-đạt-noa xả thí con bị đánh đổ máu, Bồ-tát trái tóc bít lấp chỗ bần đơ, nơi Bồ-tát xả bỏ thân để mong được nghe bài kệ, nơi vua Nguyệt Quang chém đầu, nơi vua Thi-tỳ hiến dâng thịt cho chim săn v.v... những vết tích ấy đều từ đời xưa trước, tính lường về các tai ương lắm nhiều cơ sao vẫn hiện còn ư? Các bậc danh Tăng ở Ấn Độ cũng xét quyết điều đó rất chí lý. Như điều hỏi trên thì không nên lưu lại, mà các việc đã qua, những đời sống trước càng mở rộng tại 5 xứ Ấn Độ. Có người nói rằng: Đó là do thần lực của Đức Như Lai, là chí hạnh của Bồ-tát, tuy có gặp phải Tam tai cũng không thể hủy diệt. Sau khi thế giới mới đã lập thành, nương tựa theo đó mà nhóm tụ vậy. Lại có người nói: Sự biến đổi của tam tai, không điều gì xưa trước chẳng dứt trừ, chỉ vì muốn khiến đời sau bắt chước theo đó mà kính ngưỡng, nên khi thế giới mới lập thành, y theo vết tích xưa cũ tương tự mà hiện,

đều là vết tích Phật hóa thần cảm nên vậy. Nên trong 5 thứ không thể nghĩ bàn thì 1 là sức thần của Phật vậy. Do đó, những sự việc trong đời kiếp xưa trước đã qua nương tựa theo mà hiện bày.

- Ước về ngay trong đồng đời kiếp này để rõ, thả như một là bình bát mà ngàn Đức Phật cùng đồng sử dụng. Tương truyền rằng Đức Phật Thích-ca thọ thực, 4 vua dâng cúng Bình bát, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, bình bát ấy lưu hành đến nước Tỳ-xá-ly, một trăm năm sau lại đến nước Càn-đà-vệ, lần lượt lại đến các nước Nguyệt Chi, Vu Điền, Quy Tư và sẽ đến nước Chấn Đán rồi trở lại nước Sư Tử, về lại nước Thiên Trúc, lên cung trời Đâu suất, Bồ-tát Di Lặc thấy thế bảo rằng: “Bình bát của Phật Thích-ca nay lại đến đây!”. Bèn suốt 7 ngày cúng dường. Rồi bình bát ấy xuống lại nơi Long cung. Đến lúc Đức Di Lặc thành đạo thì 4 vua trở lại dâng cúng bình bát. Hai là hình ảnh Đức Phật nơi Long cung, ngàn Đức Phật đều đồng lưu lại. Ba là tảng đá vuông, nơi giảng nói pháp, ngàn Đức Phật đều đồng ngồi, tức dưới cây Tát-bát-la tại nước Kiền-đà. Bốn là tháp đá thanh suy, ngàn Đức Phật đồng chung một thời, trong các truyện trên phần nhiều nói rõ vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Chuẩn cứ theo đây thì trong tương lai ước cũng có thể thấy được vậy.

- Ước về một đời Đức Phật Thích-ca, những sự thông cục chẳng đồng, như thêm cấp bằng vật báu đường lên trời ẩn diệt rồi không dấu vết tiếp nối. Tháp lớn của Tra Vương 7 lần hóa diệt đã. Ba cây Đạo diệt phá rồi mà lại sinh mọc. Dấu chân Đức Phật phá hủy rồi lại hiện, cành dương chặt phá hết rồi lại sinh mọc. Xá-lợi đem thử lại càng linh. Những sự nêu bày như trên, hẳn nên chẳng thông cùng các Đức Phật sau. Đến như núi Kê Túc, Tôn giả Đại Ca-diếp lưu hóa, cung nhỏ của Từ Tôn biện rõ giữ thân hình để chờ đợi Thánh. Bọn của Trử Cừ diệt định, đồ chúng của Ma-chi La-hán, mọi sự hạn cục tương lai, thần vận du tuyệt vực, đều vì sáng tỏ đạo, mở bày bụi mờ, tâm từ dần dặt hữu tình, lắng thần các cõi nên vậy!

CHƯƠNG VII: THỜI TRỤ

Căn cứ theo thế giới Sách-ha, trong một Đại kiếp có 1.000 Đức Phật ra đời, lại phạm hiện của kiếp-ba không thể lấy số thời gian mà suy lường. Giả sử lấy một thành đá vuông làm thời gian của một kỳ hạn, trong đó có đủ 4 đại kiếp và 4 trung kiếp, nghĩa là có đủ quá trình thành - trụ - hoại - không vậy.

Như từ khi tuổi thọ con người chỉ có 10 năm dần tăng lên 8 vạn

năm, rồi từ 8 vạn năm trở lại giảm xuống chỉ còn 10 năm. Trải qua 20 lượt như thế là 1 tiểu kiếp, và qua 20 tiểu kiếp làm một kiếp thành, nếu lấy năm tháng để tính thì trải qua tám ngàn vạn ức trăm ngàn tám trăm vạn tám vạn năm chỉ là một tiểu kiếp. Đến nay, kiếp thành đã qua, từ khi vào kiếp trụ đến nay đã qua 9 tiểu kiếp. Đức Thích-ca Như Lai là Đức Phật thứ 4 trong kiếp trụ và hiện còn 996 Đức Phật theo thứ tự tiếp tục xuất hiện nơi đời.

Y cứ theo kinh “Ma-da” nói rằng: “Sau khi Đức Như Lai diệt độ, chánh pháp trú nơi đời 500 năm, tượng pháp 1.000 năm”. Lại y cứ theo luật “Thiện kiến” luận “Tỳ-bà-sa” thì nói là: “Sau khi Đức Như Lai diệt độ, chánh pháp trú nơi đời 1.000 năm, và tượng pháp cũng vậy. Nhưng vì Đức Phật hóa độ người nữ nên chánh pháp diệt giảm mất 500 năm. Nếu các người nữ có thể tuân theo pháp bát kính, đúng như pháp mà hành Đạo thì chánh pháp trụ nơi đời trở lại trọn được 1.000 năm”. Lại nói là: “Phật pháp trú nơi đời một vạn năm, trong đó, 5.000 đầu, những vị xuất gia tu đạo có thể chứng đắc Tam đạt linh trí, và 5.000 sau, những vị xuất gia tu đạo không thể chứng đắc Tam đạt linh trí. Qua khỏi thời gian đó trở về sau thì kinh pháp kết quy về long cung còn tôn tượng thì tự hủy hoại. Các hàng Tỷ-khưu chỉ đồng như người thế tục, chỉ có cạo đầu mặc áo ca sa mà thôi. (Phật pháp lưu truyền đến Chấn Đản đã 3 lần bị phá hủy thiêu đốt. Lần đầu tiên là Hách-liên-bột-bột hiệu là nước Hạ, mới đầu đánh phá Trường An, hễ gặp chư Tăng thì đều giết. Lần thứ hai là vua Thái Võ Đế (Thác bạt Đào 424-452) thời Bắc Ngụy nghe theo lời Thôi Hạo mà hủy diệt Tam bảo. Về sau ăn năn hối hận, Thôi Hạo bị tăng thêm 5 tội hình. Và lần thứ 3 là vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu chỉ buộc chư Tăng hoàn tục, đều chẳng được miễn khỏi, như các truyện ghi chép rõ ràng vậy).

CHƯƠNG VIII: GIÁO TƯỚNG

Từ khi Phật giáo lưu truyền đến nước Chấn Đản, khai mở cứu tế đến cùng, phát ngộ sơ thông, thoát lẳng bụi trần. Trong đó, điềm ứng tốt lành đầy đủ một chương rõ ràng ở trước. Nay đây tạm thuật vài điều dùng để trình bày sự không lầm hoặc. Xưa kia chu sĩ hành tìm cầu giáo pháp, chỉ ý chỉ đặt để ở Đại thừa, sắp cất bước từ Tây Vực trở về mới có gặp phải lưu nạn, bèn đem kinh ném vào lửa, các kinh chẳng cháy mà lửa tự tắt mất, khi về đến phương Đông đây, kinh liền tỏa phóng ánh sáng. Lại nữa, Sa-môn Đàm-vô-sấm thỉnh được kinh Niết-bàn, vừa đi đến xứ Lương Châu, ban đêm giặc cướp muốn cướp lấy nhưng giắt không lên

nổi, bèn cúi đầu sám tạ. Thứ nữa lúc vua Võ Đế (Võ Văn Ung) thời Bắc Chu hủy hoại Phật pháp, đập phá tôn tượng thiêu đốt kinh văn, đều thấy tạng kinh lần lượt bay lên giữa không trung, lâu sau ẩn vào giữa khoảng không. Các điều như thế có thật lắm nhiều, không thể ghi tả hết đầy đủ. Nhưng hoàng dương giáo pháp chính tại nơi người, có nước làm gốc. Độ người dựng chùa, đắp họa tôn tượng phiên dịch kinh điển. Ở đời ước về tướng cầu, nên phát xuất từ đầu đến nay xưng minh Phật giáo. Từ thời nhà Hán nhà Ngụy đã qua hẳn không được rõ ràng, còn từ thời nhà Tấn nhà Tống đến nay, lược ghi tường tự như sau:

- Thế tổ Võ Hoàng Đế (tức là vua Võ Đế - Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây Tấn (rất mở mang mọi Phật sự, rộng tạo dựng các chùa lam).

- Vua Huệ Đế (Tư mã Trung 290-307) thời Tây Tấn (tạo chùa Hưng Thánh tại Lạc Hạ, thường cúng dường trăm vị Tăng).

- Vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp 313-317) thời Tây Tấn (tạo dựng chùa Thông Hư và chùa Bạch Mã tại Lạc Dương).

Vào thời Tây Tấn có 2 kinh thành, cả thảy 180 ngôi chùa, có 13 vị phiên dịch kinh, được 73 bộ (Tăng ni gồm có 37.000 vị).

- Trung tông Nguyên Đế (tức vua Nguyên Đế - Tư Mã Duệ 317-323) thời Đông Tấn (tạo chùa Ngõa quan và chùa Long cung tại Giang Tả, độ ngàn vị Tăng ở Đan Dương).

- Túc tông Minh Đế (tức vua Minh Đế - Tư Mã Thiệu 323-326) thời Đông Tấn (tạo chùa Minh Hưng và chùa Đạo Tràng, nhóm tập 100 vị Tăng nghĩa học).

- Hiển Tông Thành Đế (tức vua Thành Đế - Tư Mã Diên 326-343) thời Đông Tấn (tạo chùa Trung Hưng và chùa Lộc Dã, nhóm tập 1.000 vị Tăng nghĩa học).

- Thái Tông Giản Văn Đế (tức vua Giản Văn Đế - Tư Mã Dục 371-373) thời Đông Tấn (tạo tôn tượng Phật, độ Tăng xuất gia, xây dựng chùa chiền, tạo tháp gỗ tại chùa Trường Can).

- Liệt Tông Võ Đế (tức vua Hiếu Võ Đế - Tư Mã Xương Minh 373-397) thời Đông Tấn (tạo chùa Hoàng Thái, lập bản dựng chùa tại Bản Độ).

- vua An Đế (Tư Mã Đức Tông 397-419) thời Đông Tấn (tạo chùa Đại Thạch nơi tháp vua A-dục).

Triều Đại Đông Tấn có cả thảy 104 năm (317-420), tạo lập được 1.768 ngôi chùa. Có 27 người phiên dịch kinh lược được 263 bộ (Tăng ni gồm có 24.000 vị).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Lưu Tục 420-423) thời Tiền

Tống (đọc tụng Phạm bản, tự tay ghi tả giới kinh, tạo 4 ngôi chùa, như chùa Linh Căn, Pháp Vương v.v... cúng dường 1.000 vị Tăng).

- Thái tông Minh đế (tức Danh Dương Vương - Lưu Nghĩa Phù 423-424) thời Tiền Tống (tạo tôn tượng bằng vàng cao trượng tám, nhân ngày trai cảm được xá-lợi, tạo chùa Hoàng Phổ Trung, chiêu tập các bậc Danh tăng).

- Thái Tổ Văn Đế (tức vua Văn Đế - Lưu Nghĩa Long 424-454) thời Tiền Tống (phụng trì trai giới không giết hại, tạo chùa Thiền Linh, thường cúng dường ngàn vị Tăng).

Dưới thời Tiền Tống tạo dựng được cả thảy 1.913 ngôi chùa, phiên dịch được 210 bộ kinh (Tăng ni có cả thảy 36.000 vị).

- Thái tổ Cao Đế (tức vua Cao Đế - Tiêu Đạo Thành 473-483) thời Nam Tề (tự tay ghi tả kinh Pháp Hoa, miệng đọc tụng kinh Bát Nhã. Ngày mùng 08 tháng 04 thường bảo chủ đúc tôn tượng bằng vàng, vào ngày 15 tháng 07 đến chùa Bạch Phổ dâng bát cúng dường 300 vị Tăng, tạo chùa Trắc Dĩ và chùa Chánh Quy).

- Thế tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Tiêu Trách 483-494) thời Nam Tề (tạo chùa Chiêu Huyền và chùa Du Hiền, nhóm tập 300 vị Danh tăng cách lượng Tam giáo suốt 4 năm khảo định).

- Cao tông Minh Đế (tức vua Minh Đế - Túc Loan 494-499) thời Nam Tề (ghi tả hết thảy kinh, tạo ngàn tôn tượng bằng vàng, đọc kinh Bát Nhã, thường tụng kinh Pháp Hoa, tạo chùa Quy y, nhóm tập các bậc Thiền Tăng, thường hành trì lục trai).

Dưới thời Nam Tề, chùa chiền có cả thảy 2.015 ngôi, phiên dịch được 72 bộ kinh (Tăng Ni có cả thảy 32.500 vị).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương (chế định 5 thời luận, đọc tụng 4 bộ kinh Phương Đẳng, tạo chùa Quang Trạch, Đồng Thái v.v... cả thảy 5 ngôi, thường cúng dường ngàn vị Tăng, khắp cùng nước mọi người đều hành trì học trai và bát giới).

- Thái tông Giản Văn Đế (tức vua Giản Văn Đế - Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương (xây dựng chùa Tư Kính và chùa Báo Ân, chích máu tự ghi tả 10 bộ kinh Bát Nhã, ngày giỗ Thái hậu bỏ ăn mà thiết trai cúng dường, tuyển chọn pháp tập ghi chép hơn 200 quyển, Pháp Bảo Tôn Trí nối liền tường vách cũng hơn 200 quyển).

Dưới thời Nam Lương tạo tụng cả thảy 2. 846 ngôi chùa, phiên dịch 248 bộ kinh (Tăng Ni có cả thảy 82.700 vị).

- vua Tuyên Đế (Tiêu Sát 557-562) và vua Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương. Hai vị vua này xây dựng xả tắc, tạo dựng các

chùa Thiên Hoàng, Trắc Dĩ, Đại Minh v.v... ở Kinh Châu, sửa trị 108 ngôi chùa tại Giang Lăng (Tăng Ni có 320 vị).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Trần Bá Tiên 557-560) thời nhà Trần (tạo chùa Đông An, Hưng Thánh, Thiên Cư v.v... ở Dương Châu, ghi tả hết thủy kinh gồm 12 tạng, tạo 100 vạn tôn tượng bằng vàng, độ vị Tăng, sửa sang 32 ngôi chùa cổ).

- Thế tổ Văn Đế (tức vua Văn Đế - Trần Xuyễn 560-567) thời nhà Trần (ghi tả 50 tạng kinh, độ Tăng ni 2.000 vị, sửa sang 60 ngôi chùa cổ).

- Cao tông Tuyên Đế (tức vua Tuyên Đế - Trần Húc 569-583) thời nhà Trần (tạo chùa Thái Hoàng ở Cẩm Trung; Dương Châu, tạo pháp gổ cao 7 cấp, lại tạo chùa Sùng Hoàng; chùa cao 15 trượng; phía dưới tôn trí móng tay Đức Phật, tạo hơn 20.000 tôn tượng bằng vàng, sửa sang 501 ngôi chùa cổ, sửa 130 vạn tôn tượng cũ, ghi tả 12 tạng kinh, độ Tăng gồm một vạn vị).

Trong thời nhà Trần có 5 vị vua, với thời gian 34 năm (557-589), tạo dựng được 1.232 ngôi chùa, trong nước có 1.700 ngôi chùa mới, Tăng ni có 32.000 vị. Phiên dịch được 11 bộ kinh. Theo Hưng Địa Đồ nói rằng: “Dưới thời Nam Lương, tại Đô Hạ xưa trước có hơn 700 ngôi chùa, gặp lúc Hậu Cảnh nổi loạn đốt phá gần hết. Đến lúc nhà Trần đã thống nhất nước nhà, ban sắc dân chúng đều tu bổ sửa sang tất cả, dựng tháp nêu bày cùng trông như lưới sao nâng cao liển, sự phong phú của kinh tượng không thể nói hết”.

- Thái tổ Đạo Võ Đế (tức vua Đạo Võ Đế - Thác bạt Quế 386-409) thời Bắc (Nguyên) Ngụy (tạo tháp cao 15 cấp tại đất Ngô, lại tạo chùa Khai Thái và Định Quốc, ghi tả hết thủy kinh, tạo 1.000 tôn tượng bằng vàng, mỗi tháng nhóm tập 300 vị Danh tăng luận pháp).

- Cao tông Văn Thành đế (tức vua Văn Thành Đế - Thác bạt Duệ 452-466) thời Bắc Ngụy (Trùng Hưng lại Phật giáo, mở mang dòng họ Thích, độ Tăng ni 30.000 vị).

- Cao tổ Hiếu Văn Đế (tức vua Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoàn 471-476) thời Bắc Ngụy (tạo chùa An dưỡng tại Nghiệp Đô, chiêu tập chư Tăng khắp bốn phương, các thị nữ trong sáu cung mỗi năm đều thọ trì 3 tháng 6 ngày trai. Người nào kính mộ Đạo thì được cho phép xuất gia. Tự tay chẳng lìa quyển kinh, chỉ đọc trong khoảnh khắc bèn giảng. Vì Tiên Hoàng mà tu sửa lại chùa Đại Giác, Đại Hạnh, Bố thí cúng dường. Độ Tăng Ni 14.000 vị).

- Thế Tông Tuyên Võ Đế (tức vua Tuyên Võ Đế - Nguyên Khác

500-516) thời Bắc Ngụy (tự giảng kinh Duy Ma tại Điện Thức Càn, tạo chùa Phổ Minh, Đại Định v.v... cả thấy 4 ngôi, thường cúng dường ngàn vị Tăng).

- Tiêu tông Hiếu Minh Đế (tức vua Hiếu Minh Đế - Nguyên Hư 516-528) thời Bắc Ngụy (tạo chùa Đại Giác tại Nghiệp Hạ).

- Kính tông Hiếu Trang Đế (tức vua Hiếu Trang Đế - Nguyên Tử Du 528-530) thời Bắc Ngụy (tạo 5 ngôi Tinh xá và một vạn tôn tượng bằng đá).

- Vua Võ Đế (?) thời Tây Ngụy (tạo chùa Trắc dĩ tại Trường An, cúng dường 200 vị Tăng).

- Vua Văn Đế (Nguyên Báo cự 535-552) thời Tây Ngụy (tạo chùa Bát Nhã, dùng cung cấp những người nghèo khổ già yếu, miệng trì tụng kinh Pháp Hoa, thân thọ trì giới Phật).

Trong thời Nguyên Ngụy, gồm 17 đời vua, trải qua 170 năm (386-556) khắp trong nước nhà có 47 ngôi chùa lớn, tại Bắc Đài thường an trí khắc đá đặt khảm tiếp liền 30 dặm. Các Vương công v.v... tạo 839 ngôi chùa, trong dân chúng tạo hơn ba vạn ngôi chùa. Độ Tăng ni cả thấy hơn 200 vạn vị. Phiên dịch được 49 bộ kinh. Từ khi Phật giáo lưu truyền đến phương Đông, trong thời đại này rất là hưng thịnh. Chỉ có trong đời vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào 424-452), vì tin dùng lời xiểm nịnh tôn hót của quan Tư đồ Thôi Hạo nên phá hoại Phật pháp, ngầm ẩn suốt 7 năm. Về sau, biết đó là đối trá sai lầm nên vua giết dòng họ Thôi, trở lại phục hưng Phật giáo, xiển dương tỏ rạng như trước.

- Cao tổ Văn Tuyên Hoàng Đế (tức vua Văn Tuyên Đế - Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề (sau khi lên ngôi, vua liền Thiên pháp nơi Thiên sư Tăng Điều, phát tâm thọ giới Bồ-tát, dứt trừ ăn thịt, cấm buôn bán rượu, phóng thả chim săn, phá chài lưới. Lại chấm dứt sự giết hại trong thiên hạ. Mỗi năm 3 tháng 6 ngày khuyến hóa dân chúng thọ trì trai giới. Các nơi trồng tía rau lá ngũ tân bất kể của công hay riêng đều phá bỏ. Độ 8.000 người).

- Túc tông Hiếu Chiêu Đế (tức vua Hiếu Chiêu Đế - Cao Diễm 560-561) thời Bắc Tề (vì Tiên Hoàng mà ghi tả 12 tạng kinh gồm cả thấy 8.047 quyển, độ 3.000 vị Tăng).

- Thế tổ Võ Thành Đế (tức vua Võ Thành Đế - Cao Chạm 561-565) thời Bắc Tề (tạo dựng tháp báu, đọc tụng kinh Đại phẩm).

Trong thời Bắc Tề có 6 vị vua, suốt thời gian 28 năm, (550-578) trong Hoàng gia tạo dựng 43 ngôi chùa, phiên dịch được 14 bộ kinh. Độ người tương tiếp như thời Nguyên Ngụy.

- Hiếu Minh Đế (có phải là Hiếu Mẫn Đế - Võ Văn Giác 557-557?) thời Bắc Chu (vì Tiên Hoàng mà tạo tôn tượng bằng thêu dệt thành cao 2 trượng 6 thước và tạo 12 tôn tượng ngang bằng thân hình, cùng các thị vệ).

- Thái tổ Văn Đế (có phải là vua Minh Đế - Võ Văn Dục 557-561) thời Bắc Chu (?) (tạo các chùa Trung Viễn, Trắc Dĩ, Đại thừa v.v... cả thảy 6 ngôi tại Trường An. Độ 1.000 người. Lại tạo 5 ngôi chùa, cúng dường đồ chúng Thiền sư Bảo).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu (vì Văn Hoàng mà tạo tôn tượng bằng tơ lụa cao một trượng sáu thước, xây dựng 120 ngôi tháp báu. Lại tạo chùa Ninh Quốc, Hội Xương, Viễn Minh tại kinh hạ. Độ tăng 1.800 vị, ghi tả 1.700 bộ kinh. Về sau, gặp phải sử xiểm nịnh của Trương Tân mới bị bất thiện làm đầu, phế bỏ Tăng ni 300 vạn vị).

- Hiếu Tuyên Đế (tức vua Tuyên Đế - Võ Văn Huân 579-579) thời Bắc Chu (phục hưng lại Phật giáo, đắp họa 4 tôn tượng, tạo hơn một vạn cái khám, ghi tả 3.000 quyển kinh Bát Nhã, sau ngày trai và tám giới thường mở mang không ngưng dứt).

Trong thời Bắc Chu có 5 vị vua. Với thời gian 25 năm (557-581) tạo dựng được 931 ngôi chùa, phiên dịch được 16 bộ kinh.

- Cao tổ Văn Hoàng Đế (tức vua Văn Đế - Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy (năm Khai Hoàng thứ 3 (583), với các chùa bị phá hủy thời Bắc Chu đều được tạo dựng lại. Dưới các danh sơn mỗi mỗi đều có tạo dựng chùa. Khắp hơn 100 châu tạo dựng tháp tôn thờ xá-lợi. Độ Tăng ni 23 vạn vị, lập 3.792 ngôi chùa, ghi tả 46 tạng kinh gồm 132.086 quyển, tu sửa 3.853 bộ kinh cũ. Tạo 16.584 tôn tượng, ngoài ra các thứ tạo dựng riêng biệt không thể ghi tả đầy đủ nơi đây).

- vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy (vì Văn Hoàng Đế và Hiến Hậu mà tạo 2 chùa Thiền định tại Trường An, và tạo 2 ngôi tháp gỗ, dựng lập riêng 10 ngôi chùa, các quan cúng dường tứ sự, tu sửa 612 tạng kinh cũ gồm 29.172 bộ, tu sửa 11.000 tôn tượng cũ, tạo 3850 tôn tượng mới. Độ Tăng 6.200 vị).

Trong thời nhà Tùy có 2 vị vua, suốt thời gian 37 năm (581-618), tạo dựng 3.985 ngôi chùa, Tăng ni có 236.200 vị, phiên dịch được 82 bộ kinh.

Đến thời Tiền Đường chúng ta đây mở thoáng, Phật giáo công nghiệp lớn nhiều, chưa thể nêu ghi nên khó mở đầu nêu bày vậy.

Năm Vĩnh Huy thứ nhất (650) thời Tiền Đường tức năm Canh Tuất. Sa-môn Ngô Hưng Thích Đạo Tuyên ở chùa Phong Đức, núi Thái nhất tại chung Nam nhân sang dự tham công việc phiên dịch kinh, bên cạnh đó, đọc xem biệt truyện thấy văn nhiều khó tìm nên lược nêu điểm cốt yếu và nhuận chỉnh phong sắc xếp đặt theo loại, ngõ hầu trong tương lai gặp việc tốt lành dùng Bồ-tát tinh sáng vậy.

